

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CALOFIC TẠI HIỆP PHƯỚC, TP HCM

**KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI VÀ
MÔI TRƯỜNG CỦA CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH CALOFIC TẠI HIỆP PHƯỚC, TP HCM**

**ĐỊA CHỈ: LÔ C21 VÀ LÔ C18-C24, KCN HIỆP PHƯỚC,
XÃ HIỆP PHƯỚC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

TP. HCM, tháng 04 năm 2026

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CALOFIC TẠI HIỆP PHƯỚC, TPHCM



**KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI VÀ
MÔI TRƯỜNG CỦA CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH CALOFIC TẠI HIỆP PHƯỚC, TPHCM**

<p>Phê duyệt CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CALOFIC TẠI HIỆP PHƯỚC, TPHCM</p> <p>Nguyễn Văn Sơn Em Giám đốc Nhà máy</p>	<p>Thẩm tra</p> <p></p> <p>Đỗ Thị Kim Oanh Trưởng phòng đảm bảo chất lượng/ Thí nghiệm cấp cao</p>	<p>Ban hành</p> <p></p> <p>Huỳnh Anh Bảo Chuyên viên thí nghiệm cấp cao</p>	
Phạm vi ban hành	Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TPHCM		
Lần ban hành	Ngày ban hành	Người thực hiện	Ghi chú
00	10/11/2022	Tất cả các bộ phận trong nhà máy	Ban hành lần đầu
01	10/07/2023	Tất cả các bộ phận trong nhà máy	Bổ sung ứng phó sự cố chất thải
02	22/04/2026	Tất cả các bộ phận trong nhà máy	Sửa đổi theo mẫu tại Thông tư 41/2025/TT-BTNMT

MỤC LỤC

I. Mở đầu	5
1.1. Sự cần thiết phải lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và môi trường	5
1.2. Các căn cứ pháp lý lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và môi trường.....	5
II. Thông tin chung	6
2.1. Thông tin chung về địa hình, địa lý tại khu vực cơ sở hoạt động.....	6
2.2. Thông tin chung về cơ sở.....	6
III. Nhận diện, xác định phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải và môi trường; dự báo nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa sự cố chất thải và môi trường	8
3.1. Xác định phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải và môi trường.....	8
3.2. Dự báo về sự cố chất thải và môi trường	10
3.3. Biện pháp phòng ngừa sự cố chất thải và môi trường	15
IV. Tổ chức ứng phó sự cố chất thải và môi trường	20
4.1. Quy trình chung thực hiện ứng phó sự cố chất thải và môi trường	20
4.2. Quy trình ứng phó sự cố theo các tình huống giả định.....	21
V. Lực lượng, phương tiện ứng phó sự cố chất thải và môi trường	31
5.1. Danh sách lực lượng tham gia ứng phó sự cố chất thải và môi trường của cơ sở và các đơn vị bên ngoài hỗ trợ ứng phó khi sự cố xảy ra.	31
5.2. Phương tiện ứng phó sự cố chất thải và môi trường.....	33
5.3. Nhiệm vụ của các bộ phận	34
5.4. Tổ chức chỉ huy	35
5.5. Kế hoạch tập huấn và diễn tập định kỳ của cơ sở về ứng phó sự cố chất thải và ứng phó sự cố môi trường.....	36
VI. Kết luận và kiến nghị	37
6.1. Đánh giá về tính khả thi của kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và môi trường đã được xây dựng	37
6.2. Bài học từ sự cố chất thải đã xảy ra (nếu có) và cam kết của cơ sở trong công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố trong giai đoạn tiếp theo.....	37
PHỤ LỤC	38

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Danh mục văn bản pháp lý về lĩnh vực môi trường.....	5
Bảng 2: Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh	7
Bảng 3: Danh mục nguy cơ sự cố có thể xảy ra và đánh giá rác động của sự cố.....	10
Bảng 4: Biện pháp phòng ngừa.....	15
Bảng 5: Danh sách lực lượng tham gia ứng phó sự cố chất thải và môi trường của cơ sở.....	31
Bảng 6: Danh sách lực lượng bên ngoài	32
Bảng 7: Danh sách các đơn vị lân cận	32
Bảng 8: Trang thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố chất thải và môi trường.....	33
Bảng 9: Nội dung và tần suất diễn tập định kỳ.....	36

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
XLNT	Xử lý nước thải
QĐ	Quyết định
BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
KCN	Khu công nghiệp
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
Ban EHS	Ban an toàn – sức khỏe – môi trường
TBP	Trưởng bộ phận
UPSCTD	Ứng phó sự cố tràn dầu
SCTD	Sự cố tràn dầu

Số: 02/KH-2026

Tp.HCM, ngày 22, tháng 04 năm 2026

KẾ HOẠCH

Phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và môi trường của Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TPHCM

I. Mở đầu

1.1. Sự cần thiết phải lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và môi trường

Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và môi trường là tài liệu xác định các nguy cơ xảy ra sự cố đối với môi trường, dự kiến kịch bản xảy ra kèm theo các phương án ứng phó tương ứng để bảo đảm sẵn sàng, kịp thời ứng phó khi sự cố xảy ra trên thực tế.

(Ghi chú: Bản kế hoạch này được tích hợp kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định).

1.2. Các căn cứ pháp lý lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và môi trường.

Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và môi trường của Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TPHCM được lập trên cơ sở căn cứ những quy định sau:

Bảng 1: Danh mục văn bản pháp lý về lĩnh vực môi trường

Stt	Tên văn bản	Hiệu lực thi hành
1	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14	01/1/2022
2	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	10/1/2022
3	Nghị định số 05/2025/NĐ-CP Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	6/1/2025
4	Thông tư 02/2022/TT-BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường	10/1/2022
5	Thông tư 07/2025/TT-BTNMT Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT/BTNMT	28/2/2025
6	Thông tư số: 41/2025/TT-BNNMT thông tư hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.	01/9/2025

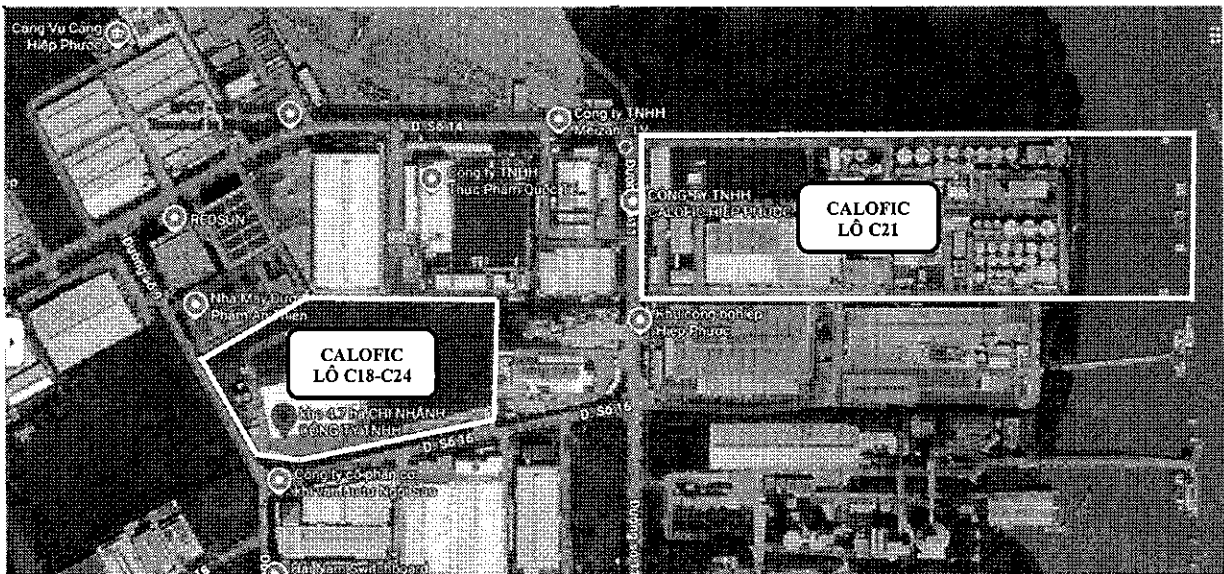
II. Thông tin chung

2.1. Thông tin chung về địa hình, địa lý tại khu vực cơ sở hoạt động.

Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TPHCM (sau đây gọi tắt là “Calofic Hiệp Phước”) có tổng diện tích là 131.690,06 m² nằm trong KCN Hiệp Phước (trong đó: tại Lô C21 là 84.982,7 m² và Lô C18-C24 là 46.707,9 m²).

- Vị trí tiếp giáp tại Lô C21 (diện tích 84.982,7 m²):
 - + Phía Bắc: giáp đất trống, tiếp đến là cảng SPCT;
 - + Phía Nam: giáp Công ty Cổ phần CN Vĩnh Tường;
 - + Phía Đông: giáp sông Soài Rạp;
 - + Phía Tây: Đường số 11, KCN Hiệp Phước.
- Vị trí tiếp giáp tại Lô C18-C24 (diện tích 46.707,9 m²)
 - + Phía Bắc giáp: Công ty TNHH Thực phẩm Quốc tế Nam Dương; Chi nhánh Công ty TNHH Tập đoàn Rita Võ, Nhà máy Dược phẩm An Thiên;
 - + Phía Nam giáp: Giáp đường 16, KCN Hiệp Phước;
 - + Phía Đông giáp: Công ty TNHH Saint-Gobain VN;
 - + Phía Tây giáp: Đường số 9, KCN Hiệp Phước.

Sơ đồ vị trí khu đất được thể hiện như sau:



Hình 1: Mặt bằng mô tả vị trí của Calofic Hiệp Phước

2.2. Thông tin chung về cơ sở

- Tên dự án đầu tư: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CALOFIC TẠI HIỆP PHƯỚC, TPHCM
- Địa điểm hoạt động: Lô C21 và Lô C18-C24, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TPHCM
- Địa điểm trụ sở chính: Lô C21 và Lô C18-C24, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TPHCM
- Điện thoại: 028.37818.806
- Người liên lạc: Nguyễn Văn Sơn Em; Chức vụ: Giám đốc nhà máy

- Giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần đã được cấp: Bộ TNMT cấp giấy phép môi trường số 57/GPMT-BTNMT ngày 13/3/2023; Ban quản lý các KCN & CN Tp.HCM cấp giấy phép môi trường (điều chỉnh lần 1) ngày 3/11/2025.
- Quy mô, công suất, loại hình sản xuất:
 - + Sản xuất dầu thực vật tinh luyện: 365.000 tấn sản phẩm/năm;
 - + Sang chiết và đóng gói Glyxerin tinh luyện: Công suất 100.000 tấn sản phẩm/năm;
 - + Sản xuất xà phòng, các loại chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh: Công suất 27.375 tấn sản phẩm/năm.
- Chúng loại, khối lượng chất thải phát sinh.

Bảng 2: Chúng loại, khối lượng chất thải phát sinh

Stt	Chúng loại	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh
I	Chất thải nguy hại		
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Kg/năm	1.493
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Kg/năm	5.619
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Kg/năm	19.849
4	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (composit...)	Kg/năm	880
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Kg/năm	76
6	Ắc quy chì thải	Kg/năm	436
7	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	Kg/năm	10.630
8	Các loại dầu thải khác	Kg/năm	2.939
9	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Kg/năm	43
10	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	Kg/năm	66
11	Bao bì mềm thải	Kg/năm	2.344
12	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại	Kg/năm	152
13	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	Kg/năm	99
14	Vật liệu lót và chịu lửa thải có các thành phần nguy hại không phải từ quá trình luyện kim	Kg/năm	106
15	Dung dịch thải từ quá trình vệ sinh bề ở phân xưởng dầu thô	Kg/năm	600
II	Chất thải rắn công nghiệp thông thường		

Stt	Chủng loại	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh
1	Đất thải từ quá trình tinh luyện dầu thực vật	Kg/năm	4.500.000
2	Tro bay từ lò hơi đốt than, trấu	Kg/năm	1.400.000
3	Xi than từ lò hơi đốt than, trấu	Kg/năm	132.000
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi	Kg/năm	14.000
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Kg/năm	1.200.000
6	Bùn thải từ hệ thống tháp giải nhiệt, hệ thống cống thoát nước mưa	Kg/năm	1.200.000
7	Bao bì hỏng	Kg/năm	600.000
8	Chất thải rắn công nghiệp thông thường khác	Kg/năm	330.000
III	Chất thải công nghiệp phải kiểm soát		
1	Nước thải vệ sinh thiết bị sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	Kg/năm	2.550.000
IV	Rác thải sinh hoạt		
1	Rác thải sinh hoạt còn lại	Kg/năm	54.000
V	Nước thải		
1	Nước thải sản xuất và sinh hoạt tại Lô C21	m ³ /ngày	300
2	Nước thải sinh hoạt tại Lô C18-C24	m ³ /ngày	28
VI	Khí thải		
1	Khí thải lò hơi đốt than/trấu công suất 22 tấn hơi/giờ	m ³ /h	65.000

III. Nhận diện, xác định phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải và môi trường; dự báo nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa sự cố chất thải và môi trường

3.1. Xác định phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải và môi trường

Một số phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình phổ biến có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải và môi trường tương ứng với nhóm chất thải:

- Đối với nhóm chất thải rắn:
 - + Phương tiện thu gom bùn thải, chất thải rắn (rác công nghiệp thông thường);
 - + Các kho chứa đất thải tại các phân xưởng tinh luyện dầu thực vật;
 - + Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường;
 - + Kho chứa bùn từ hệ thống xử lý nước thải;
 - + Kho chứa rác thải nguy hại;
- Đối với nhóm chất thải lỏng:
 - + Phương tiện thu gom bùn lỏng tại phân xưởng tinh luyện; Phương tiện thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng (nhớt thải; hóa chất và hỗn hợp hóa chất từ phòng thí nghiệm

thải; nước thải sản xuất từ phân xưởng sản xuất xà phòng, các loại chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh);

- + Trạm xử lý nước thải cục bộ tại nhà máy;
 - + Các hồ gom nước thải tại các phân xưởng trong nhà máy;
 - + Hoạt động tiếp nhận tàu (xuất nhập hàng hóa) tại khu vực bến cảng chuyên dùng Calofic.
- Đối với nhóm khí thải:
- + Hệ thống xử lý khí thải của lò hơi đốt than trấu công suất 65.000 m³/h.

3.2. Dự báo về sự cố chất thải và môi trường

Danh sách nguy cơ sự cố chất thải và môi trường có thể xảy ra và đánh giá sơ bộ tác động, được trình bày ở bảng sau:

Bảng 3: Danh mục nguy cơ sự cố có thể xảy ra và đánh giá tác động của sự cố

Stt	Sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân	Vị trí	Phân cấp sự cố	Ước lượng chất ô nhiễm	Đánh giá sơ bộ tác động với môi trường
I	Sự cố đối với chất rắn Xe chở chất thải rắn (chất thải nguy hại, rác công nghiệp thông thường chung, đất thải, tro bay, xỉ than, bùn từ hệ thống xử lý nước thải, phế liệu).	 Xe chở bị tràn, rơi vãi ra đường nội bộ trong nhà máy.	 Trong nhà máy.	Sự cố cấp cơ sở: Trong tầm kiểm soát của bộ phận; trong phạm vi của cơ sở và trong khả năng tự ứng phó của cơ sở.	Khoảng 5-10 kg.	- Phạm vi ảnh hưởng: 0-5 m quanh hiện trường. - Môi trường đất: Không ảnh hưởng (khu vực đã được bê tông hóa). - Môi trường nước: Có khả năng tràn vào hệ thống thoát nước mưa khu vực. - Môi trường không khí: Tro bay có khả năng làm phát tán bụi vào không khí, các chất thải còn lại không ảnh hưởng đáng kể. - Con người và sinh vật: Tác động không đáng kể.

Stt	Sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân	Vị trí	Phân cấp sự cố	Ước lượng chất ô nhiễm	Đánh giá sơ bộ tác động với môi trường
2	Tràn đổ đất thải (chất thải công nghiệp thông thường) ra khỏi kho chứa tại các phân xưởng tinh luyện dầu thực vật.	- Đơn vị thu gom chất thải không thu gom đúng lịch, làm đầy kho đất thải. - Sự cố hệ thống sản xuất xả đất thải với khối lượng vượt mức chứa của kho.	Kho chứa đất thải tại RF1, RF2, RF3.	Trong tầm kiểm soát của cơ sở.	Khoảng 0,5 – 3 m ³	- Phạm vi ảnh hưởng: 0-5 m quanh hiện trường. - Môi trường đất: Không ảnh hưởng (khu vực đã được bê tông hóa). - Môi trường nước: Tràn vào hệ thống thoát nước mưa khu vực (khi có mưa). - Môi trường không khí: Không ảnh hưởng. Con người và sinh vật: Tác động không đáng kể.
3	Bùn từ kho chứa của trạm xử lý nước thải vượt sức chứa container lưu chứa trong kho.	- Đơn vị thu gom bùn thải không thu gom đúng hạn. - Nhu cầu ép xả bùn lớn đột xuất, vượt sức chứa của container chứa.	Trạm xử lý nước thải.	Trong tầm kiểm soát của cơ sở.	Khoảng 1 – 5 m ³	- Phạm vi ảnh hưởng: 0-5 m quanh hiện trường. - Môi trường đất: Không ảnh hưởng (khu vực đã được bê tông hóa). - Môi trường nước: Tràn vào hệ thống thoát nước mưa khu vực. - Môi trường không khí: Không ảnh hưởng. - Con người và sinh vật: Tác động không đáng kể.
II	Sự cố đối với chất lỏng					
1	Phương tiện thu gom bùn lỏng tại	Xe chở bị rò rỉ bùn thải lỏng ra đường nội bộ	Khu vực chuyên giao	Sự cố cấp cơ sở: Trong tầm	Khoảng 1-5 kg	- Phạm vi ảnh hưởng: 0-5 m quanh hiện trường.

Stt	Sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân	Vị trí	Phân cấp sự cố	Ước lượng chất ô nhiễm	Đánh giá sơ bộ tác động với môi trường
	phần xưởng tinh luyện; Phương tiện thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng (nhớt thải, hóa chất và hỗn hợp hóa chất từ phòng thí nghiệm thải, nước thải sản xuất).	trong nhà máy do van chặn trên xe chưa đóng kín; Bục đường ống trong quá trình hút bùn; Rò rỉ chất thải lỏng trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại; Bục bồn chứa trong quá trình chuyển giao nước thải sản xuất.	chất thải/ Tuyến đường nội bộ trong nhà máy.	kiểm soát của bộ phận; trong phạm vi của cơ sở và trong khả năng tự ứng phó của cơ sở.		- Môi trường đất: Không ảnh hưởng (khu vực đã được bê tông hóa). - Môi trường nước: Có khả năng tràn vào hệ thống thoát nước mưa khu vực. - Môi trường không khí: Có khả năng phát tán mùi/khí độc từ hóa chất thải nguy hại. Con người và sinh vật: Tác động không đáng kể.
2	Trần đổ chất thải lỏng (hóa chất, nhớt thải) tại kho chứa rác thải nguy hại.	Xe nâng; Nâng hạ các phuy/can chứa hóa chất hoặc nhớt làm rơi đổ xuống nền đường, dẫn đến bục nắp làm tràn đổ ra ngoài. Khi nhập chất thải (hóa chất/ nhớt) vào kho làm ngã đổ phuy/can chứa làm tràn đổ.	Kho rác thải nguy hại	Trong tầm kiểm soát của cơ sở	Khoảng 1 - 150 lit	-Môi trường đất: Không ảnh hưởng (khu vực đã được bê tông hóa). -Môi trường nước: Tràn vào hệ thống thoát nước mưa khu vực -Môi trường không khí: Hơi hóa chất độc phát tán đối với tràn đổ hóa chất thải. Con người và sinh vật: Tác động đến đường thở và tiếp xúc trực tiếp khi có tràn đổ hóa chất.
3	Trần nước thải từ bể gom của hệ thống xử lý nước thải 200 m ³ /ngày.đêm.	Bơm nước thải bể gom (bể nước thải chưa xử lý) bị hư hỏng hoặc kẹt vật cứng, vận hành	Trạm nước thải công suất 200 m ³ /ngày.	Trong phạm vi cơ sở. Trong tầm kiểm soát của cơ sở.	Khoảng 3 m ³ nước thải.	-Môi trường đất: Nước thải thấm 1 phần vào đất (bãi cỏ). -Môi trường nước: Nhiễm vào hệ thống thoát nước mưa xung quanh trạm nước thải.

Stt	Sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân	Vị trí	Phân cấp sự cố	Ước lượng chất ô nhiễm	Đánh giá sơ bộ tác động với môi trường
		không kiểm soát hàng ca. Nhân viên vận hành quên xả nước thải sau xử lý, làm tràn nước thải.				- Môi trường không khí: Không ảnh hưởng. Con người và sinh vật: Không ảnh hưởng đến con người nhưng ảnh hưởng đến hệ thực vật (bãi cỏ) xung quanh trạm nước thải.
4	Bể vi sinh trạm xử lý nước thải 200 m ³ /ngày.đêm bị sự cố, nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn xả thải.	Máy thổi khí cho bể vi sinh bị hỏng đột ngột không thể hoạt động.	Trạm nước thải công suất 200 m ³ /ngày.	Trong phạm vi cơ sở. Trong tầm kiểm soát của cơ sở	200 m ³ /ngày.	- Hệ vi sinh trong bể vi sinh bị ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý do không được sục khí. - Nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn KCN Hiệp Phước.
5	Trần nước thải từ các hố gom vào hệ thống thu gom nước thải của các bộ phận vào hệ thống thoát nước mưa.	Bơm tại hố gom nước thải bị nghẹt, hư hỏng. Rò nước thải từ đường ống dẫn nước thải, do bị ăn mòn, bứt khớp nối...	Các hố gom và đường ống dẫn nước thải tại các bộ phận.	Trong phạm vi cơ sở. Trong tầm kiểm soát của cơ sở.	Khoảng 1 - 10 m ³ nước thải.	- Môi trường đất: Không ảnh hưởng (hệ thống thoát nước mưa được bê tông hóa kiên cố, không rò vào đất). - Môi trường nước: Rủi ro nước thải thoát ra môi trường không qua xử lý. - Môi trường không khí: Không ảnh hưởng. - Con người và sinh vật: Tác động không đáng kể.

Stt	Sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân	Vị trí	Phân cấp sự cố	Ước lượng chất ô nhiễm	Đánh giá sơ bộ tác động với môi trường
6	Tràn dầu nhiên liệu/hoặc dầu thực vật từ tàu trong khi nhập hàng tại bến cảng Calofic Hiệp Phước.	- Va chạm giữa tàu với cầu cảng, các phương tiện giao thông trên luồng và chạm tàu đang neo đậu làm tràn dầu. -Đứt dây neo là bút ống dầu nổi dầu thực vật. -Dầu nhiên liệu từ các cảng lân cận tràn sang do có sự cố tràn dầu.	Cầu cảng Calofic Hiệp Phước.	Cấp cơ sở/ Cấp khu vực/ Cấp quốc gia. Tùy vào lượng dầu tràn và khả năng ứng phó tại chỗ.	Khoảng 1 - 680 tấn dầu nhiên liệu DO. Khoảng 1 - 5 tấn dầu thực vật.	-Môi trường đất: Có khả năng nhiễm dầu dọc theo đường bờ sông Soài Rạp. -Môi trường không khí: Không ảnh hưởng. -Môi trường nước: Ảnh hưởng vùng nước mặt xung quanh khu vực cầu cảng. -Con người và sinh vật: Khả năng ảnh hưởng đến hệ sinh thái (tôm, cua, cá, ốc, thực vật ven bờ...) khu vực cảng. -Môi trường đất: Không ảnh hưởng (do đã được xây dựng tường bao xung quanh, bê tông hóa nền, đảm bảo đủ sức chứa lượng tràn 1 bể lớn nhất trong khu vực bồn bể). -Môi trường nước: Không ảnh hưởng (khu tường bao có kiểm soát van xả nước mưa, đóng mở luôn được kiểm soát). -Môi trường không khí: Không ảnh hưởng. -Con người và sinh vật: Tác động không đáng kể.
7	Tràn dầu thực vật từ khu vực bồn bể.	-Nắp manhold (cửa mở dưới/trên của bồn bể) bị bung nắp. Dầu bị tràn bể do không kiểm soát cảnh báo tràn.	Khu bồn bể PH, CPP.	Trong tầm kiểm soát của cơ sở.	20 - 100 tấn.	-Môi trường đất: Không ảnh hưởng (do đã được xây dựng tường bao xung quanh, bê tông hóa nền, đảm bảo đủ sức chứa lượng tràn 1 bể lớn nhất trong khu vực bồn bể). -Môi trường nước: Không ảnh hưởng (khu tường bao có kiểm soát van xả nước mưa, đóng mở luôn được kiểm soát). -Môi trường không khí: Không ảnh hưởng. -Con người và sinh vật: Tác động không đáng kể.

Stt	Sự cố có thể xảy ra	Nguyên nhân	Vị trí	Phân cấp sự cố	Ước lượng chất ô nhiễm	Đánh giá sơ bộ tác động với môi trường
III	Sự cố đối với chất khí					
I	Khí thải lò hơi đốt than/trấu không đạt Quy chuẩn xả thải.	- Do hệ thống túi lọc bụi có túi bị hỏng. Do bơm nước phun dung dịch tại tháp hấp thụ bị kẹt, lỗi không hoạt động.	Phân xưởng lò hơi than/trấu.	Trong tầm kiểm soát của cơ sở.	Khoảng 65.000 m ³ /h.	- Môi trường đất: Không ảnh hưởng. - Môi trường nước: Không ảnh hưởng. - Môi trường không khí: Có tác động tới môi trường không khí. Con người và sinh vật: Tác động không đáng kể.
IV	Sự cố cháy	Trang bị đầy đủ các trang thiết bị PCCC theo quy định và thực hiện theo phương án PCCC đã được phê duyệt.				
V	Sự cố tràn đổ hóa chất	Sự cố tràn đổ hóa chất (H ₂ SO ₄ , NaOH, Vôi, ...): Thực hiện theo Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất đã được lập và ban hành theo quy định của Luật hóa chất.				

3.3. Biện pháp phòng ngừa sự cố chất thải và môi trường

Bảng 4: Biện pháp phòng ngừa

Stt	Sự cố có thể xảy ra	Biện pháp phòng ngừa
I	Sự cố đối với chất rắn	
I	Xe chở chất thải rắn (chất thải nguy hại, rác công nghiệp thông thường chung, đất thải, tro bay, xỉ than, bùn từ hệ thống xử lý nước thải, phế liệu).	Quy định xe đủ điều kiện an toàn mới được phép vào nhà máy: Bảo vệ kiểm tra xe trước khi vào Nhà máy. Quy định tốc độ xe tham gia giao thông trong Nhà máy: 5 km/giờ. Xe chờ đứng tải trọng cho phép. Xe tải thùng hở phải phủ bạt kín che nắng, mưa trong quá trình thu gom, lưu chứa, vận chuyển chất thải.

Stt	Sự cố có thể xảy ra	Biện pháp phòng ngừa
		<p>Bảo vệ, quản lý kho rác, lái xe phải ký phiếu từng mã chất thải sau khi bốc lên xe, kiểm tra xe đóng kín thùng, phủ bạt / không rò rỉ, rơi vãi chất thải trước khi rời vị trí lấy rác.</p> <p>Trường hợp chất thải phát tán ra môi trường trong nhà máy do sự cố xe: Chất thải tràn đổ được quản lý theo Quy trình quản lý chất thải của Công ty HPB-MT-QT-08.</p>
2	Trần đổ đất thải (chất thải công nghiệp thông thường) ra khỏi kho chứa tại các phân xưởng tinh luyện dầu thực vật.	<p>Xây gờ và lấp vách ngăn tại mỗi kho đất thải.</p> <p>Trang bị sẵn sàng túi nhựa 1 m³ (túi jumbo), xẻng, bạt che, bao tay, giẻ lau.</p> <p>Thường xuyên kiểm tra và chuyển giao cho đơn vị thu gom trước khi kho đất thải quá đầy (không quá 70% sức chứa).</p> <p>Sẵn sàng phương án ứng phó tại bộ phận.</p>
3	Bùn từ kho chứa của trạm xử lý nước thải vượt sức chứa container lưu chứa trong kho.	<p>Đặt container chứa bùn trong nhà kho có mái che, đảm bảo kín nắng mưa.</p> <p>Làm rãnh thoát nước kết nối vào bể gom nước thải.</p> <p>Trang bị sẵn sàng túi nhựa 1 m³ (túi jumbo), xẻng, bạt che, bao tay, giẻ lau, bơm bằng khí nén.</p> <p>Sẵn sàng phương án ứng phó tại bộ phận.</p>
II	Sự cố đối với chất lỏng	
1	Phương tiện thu gom bùn lỏng tại phân xưởng tinh luyện; Phương tiện thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng (nhớt thải, hóa chất và hỗn hợp hóa chất từ phòng thí nghiệm thải); Phương tiện thu gom nước thải từ phân xưởng sản xuất xà phòng, các loại chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.	<p>Quy định xe đủ điều kiện an toàn mới được phép vào nhà máy: Bảo vệ kiểm tra xe trước khi vào Nhà máy.</p> <p>Quy định tốc độ xe tham gia giao thông trong Nhà máy: 5 km/giờ.</p> <p>Xe chờ đứng tại trọng cho phép. Xe tải thùng hở phải phủ bạt kín che nắng, mưa trong quá trình thu gom, lưu chứa, vận chuyển chất thải.</p> <p>Bảo vệ, quản lý kho rác, lái xe phải ký phiếu từng mã chất thải sau khi bốc lên xe, kiểm tra xe đóng kín thùng, phủ bạt / không rò rỉ, rơi vãi chất thải trước khi rời vị trí lấy chất thải.</p>

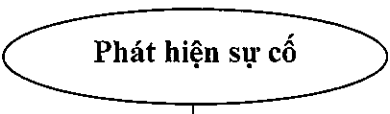
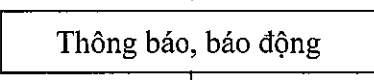
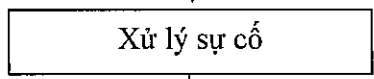
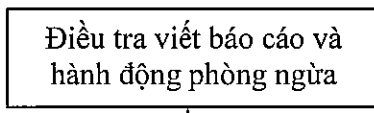
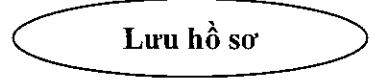
Stt	Sự cố có thể xảy ra	Biện pháp phòng ngừa
		<p>Trường hợp chất thải phát tán ra môi trường trong nhà máy do sự cố xe: Chất thải tràn đổ được quản lý theo Quy trình quản lý chất thải của Công ty HPB-MT-QT-08.</p>
2	<p>Trần đổ chất thải lỏng (hóa chất, nhớt thải) tại kho chứa rác thải nguy hại.</p>	<p>Kho rác nguy hại được xây dựng đảm bảo kín nắng mưa và có gờ bao, rãnh dẫn chất lỏng rò rỉ về hố gom phòng sự cố đặt tại kho rác nguy hại.</p> <p>Chất thải nguy hại dạng lỏng chứa trong can nhựa hoặc phuy kim loại có nắp đậy kín, chứa không quá 80% dung tích.</p> <p>Trang bị sẵn sàng bảo hộ lao động (găng tay cao su, mắt kính, khẩu trang, mặt nạ phòng độc, ủng cao su).</p> <p>Trang bị sẵn sàng vật liệu thấm hút (giẻ lau, cát).</p> <p>Sẵn sàng phương án ứng phó tại bộ phận quản lý kho rác nguy hại.</p>
3	<p>Trần nước thải từ bể gom của hệ thống xử lý nước thải 200 m³/ngày.đêm.</p>	<p>Trang bị thiết bị cảnh báo tràn truyền tín hiệu về phòng điều khiển.</p> <p>Trang bị sẵn sàng trang thiết bị ứng phó sự cố tràn: Máy bơm, ống dẫn, giẻ lau, ki xúc nước, bao tay, ủng cao su,...</p> <p>Sẵn sàng phương án ứng phó tại bộ phận.</p>
4	<p>Bể vi sinh trạm xử lý nước thải 200 m³/ngày.đêm bị sự cố, nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn xả thải.</p>	<p>Hợp đồng xử lý nước thải với KCN Hiệp Phước đã có điều khoản thể hiện được phép chuyển giao nước thải vượt tiêu chuẩn trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị sự cố.</p> <p>Có sẵn phương nuôi cấy phục hồi lại hệ thống vi sinh của bể xử lý.</p>
5	<p>Trần nước thải từ các hố gom và rò rỉ từ hệ thống thu gom nước thải của các bộ phận vào hệ thống thoát nước mưa.</p>	<p>Trang bị hố gom đảm bảo kín khí, có máy bơm chạy tự động theo phao đã cài đặt mức nước.</p> <p>Máy bơm và phao được kiểm tra thường xuyên, đảm bảo duy trì hoạt động tốt.</p> <p>Có ngăn tách vẩn mỡ và rác thô trước khi vào họng bơm.</p> <p>Lắp van chặn tại cửa xả nước mưa đấu nối với KCN, được kiểm tra đánh giá chất lượng nước trước khi mở cửa xả.</p> <p>Trang bị sẵn sàng trang thiết bị ứng phó khi có sự cố tràn nước thải vào công thoát nước mưa: Máy bơm chìm, ống dẫn, bồn chứa di động,...</p>

Stt	Sự cố có thể xảy ra	Biện pháp phòng ngừa
6	Trần dầu nhiên liệu/hoặc dầu thực vật từ tàu trong khi xuất/nhập hàng tại bến cảng chuyển dùng Calofic Hiệp Phước.	Sàn công nghệ tại cảng được xây bờ bao xung quanh và có van xả được kiểm soát. Phương tiện vận chuyển (tàu, xà lan) ra vào cảng phải được đăng ký và kiểm soát đủ năng lực trước khi cập cảng. Các đường ống (ống mềm và ống cứng) tiếp nhận hàng từ tàu/xà lan: Được kiểm tra áp lực bằng khí nén để đánh giá chất lượng đường ống trước khi bơm hàng. Hộp đồng với đơn vị trực sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu, đồng thời bố trí trang thiết bị ứng phó cơ bản tại cảng. Tổ chức đào tạo và diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu định kỳ theo quy định.
7	Trần dầu thực vật từ khu vực bồn bê.	Các bồn bê được kiểm soát mức tự động truyền tín hiệu về văn phòng điều khiển. Xây dựng tường bao xung quanh các khu bồn bê chứa dầu. Lắp đặt van và khóa tại các khu có tường bao (chỉ người có chức năng mới được mở/đóng van xả). Bố trí sẵn trang thiết bị ứng phó sự cố (túi chứa, máy bơm,...).
III	Sự cố đối với khí thải	
1	Khí thải lò hơi đốt than/trấu không đạt Quy chuẩn xả thải.	Bố trí sẵn sàng lò hơi đốt khí gas dự phòng cho lò hơi đốt than/trấu nhằm đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất khi có sự cố phải dừng lò hơi than/trấu. Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hệ thống lò hơi và hệ thống xử lý khí thải. Trang bị sẵn sàng các trang thiết bị, vật tư thay thế cho hệ thống lò hơi và hệ thống xử lý khí thải. Lắp đặt hệ thống đo quan trắc khí thải tự động (kiểm soát nội bộ) nhằm phát hiện sớm các bất thường của nồng độ khí thải.
IV	Sự cố cháy	
1	Sự cố cháy.	Trang bị đầy đủ các trang thiết bị PCCC theo quy định và thực hiện theo phương án PCCC đã được phê duyệt.
V	Sự cố tràn đổ hóa chất	
1	Sự cố tràn đổ hóa chất (H ₂ SO ₄ , NaOH, Vôi, ...).	Các bồn chứa hóa chất (NaOH, H ₂ SO ₄) được xây dựng trong tường bao.

Stt	Sự cố có thể xảy ra	Biện pháp phòng ngừa
		<p>Các hóa chất chứa trong bao bì có kích thước nhỏ (can, phuy) được chứa trên pallet chống tràn hoặc có gờ bao.</p> <p>Thực hiện theo Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất đã được lập và ban hành theo quy định của Luật hóa chất.</p>

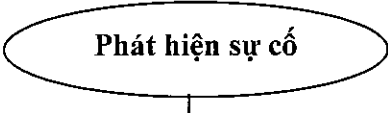
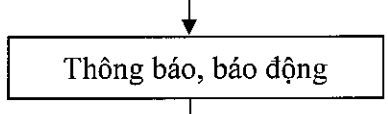
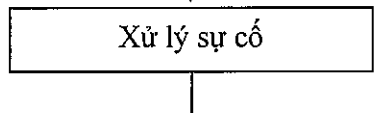
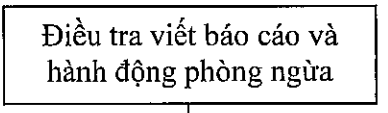
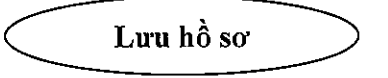
IV. Tổ chức ứng phó sự cố chất thải và môi trường

4.1. Quy trình chung thực hiện ứng phó sự cố chất thải và môi trường

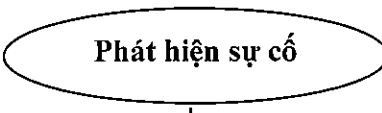
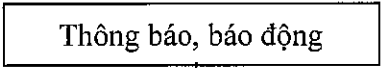
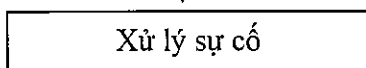
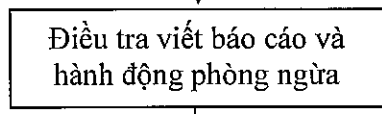
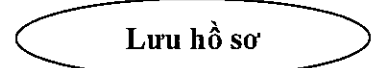
Stt	Lưu đồ	Diễn tả	Người thực hiện
1		Nhân viên/nhà thầu làm việc trong phạm vi của Công ty khi phát hiện sự cố liên quan đến môi trường, có trách nhiệm thông báo đến các phòng ban chức năng để kịp thời xử lý (Ban EHS, bộ phận môi trường, trưởng bộ phận khu vực xảy ra sự cố).	Nhân viên/nhà thầu
2		Người nhận thông tin (Ban EHS, bộ phận môi trường, trưởng bộ phận khu vực xảy ra sự cố) có trách nhiệm kiểm tra tính xác thực sự cố, đánh giá sơ bộ tác động và thông báo đến ban giám đốc và các phòng ban liên quan (<i>vị trí, nguyên nhân, khả năng ứng phó của bộ phận, biện pháp triển khai ứng phó</i>). Trường hợp sự cố nằm ngoài khả năng ứng phó của Công ty: Ban giám đốc thông báo đến các cơ quan chức năng bên ngoài xin hỗ trợ ứng phó cũng như các đơn vị lân cận để cảnh báo.	Giám đốc nhà máy, Ban EHS, bộ phận môi trường, trưởng bộ phận khu vực xảy ra sự cố.
3		Phương án ứng phó: - <i>Trong khả năng của Công ty:</i> Trưởng bộ phận quản lý khu vực xảy ra sự cố, trực tiếp chỉ đạo ứng phó (trường hợp nằm ngoài khả năng xử lý của bộ phận thì ban giám đốc trực tiếp chỉ đạo ứng phó): + Giăng dây cảnh báo không cho người không có nhiệm vụ vào khu vực xử lý sự cố. + Ngắt nguồn tràn/nguồn gây ô nhiễm. + Cô lập khu vực tràn đổ, khống chế phạm vi ảnh hưởng. + Đảm bảo trang thiết bị bảo hộ cho lực lượng tham gia ứng phó: Bao tay, giày bảo hộ, nón bảo hộ,... phù hợp với loại chất thải tràn đổ. + Thu gom và vệ sinh chất thải đã tràn đổ. + Kiểm tra và hoàn tất công tác ứng phó hiện trường. - <i>Ngoài khả năng ứng phó của Công ty</i> (phát tán ra ngoài công ty hoặc không đủ năng lực xử lý do sự cố quá lớn): Ban giám đốc thông báo đến các cơ quan chức năng bên ngoài xin hỗ trợ ứng phó cũng như thông báo đến các đơn vị lân cận để cảnh báo. Lực lượng tại chỗ phối hợp cùng lực lượng bên ngoài theo chỉ đạo.	Trưởng bộ phận/ Giám đốc nhà máy
4		Bộ phận môi trường kết hợp cùng Trưởng bộ phận khu vực xảy ra sự cố, cùng ban EHS điều tra nguyên nhân và đưa ra giải pháp phòng ngừa tránh lặp lại (<i>trường hợp sự cố ngoài khả năng xử lý của Công ty: Báo cáo đến các cơ quan chức năng liên quan sau khắc phục</i>)	Bộ phận môi trường
5		Bộ phận môi trường lưu hồ sơ sự cố	Bộ phận môi trường

4.2. Quy trình ứng phó sự cố theo các tình huống giả định


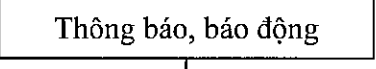
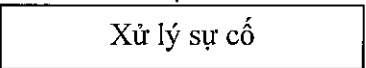
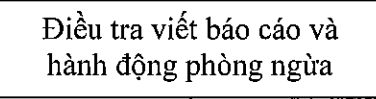
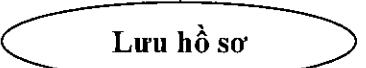
Tình huống 1: Xe chờ chất thải rắn và lỏng (chất thải nguy hại, rác công nghiệp thông thường chung, đất thải, tro bay, xỉ than, bùn từ hệ thống xử lý nước thải, phế liệu, nước thải).

Stt	Lưu đồ	Diễn tả	Người thực hiện
1		Người phát hiện thông báo nhanh cho lái xe, vận hành/ người quản lý của bộ phận liên quan đến chất thải (hoặc ban EHS, môi trường)	Nhân viên/nhà thầu
2		Trưởng bộ phận tiến hành kiểm tra và xác thực thông tin sự cố. Tiến thông báo cho Giám đốc nhà máy và bộ phận môi trường, EHS (nếu sự cố có xảy ra).	Trưởng bộ phận khu vực xảy ra sự cố
3		<p>Phương án ứng phó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trưởng bộ phận: Đến hiện trường đánh giá và xác nhận nhanh tình hình sự cố. Sự cố nằm trong phạm vi ứng phó của bộ phận. Bộ phận triển khai ứng phó sự cố. + Yêu cầu lái xe: Dừng xe, cảnh báo, nhắc nhở người và phương tiện đi qua khu vực. + Thực hiện khoanh vùng khu vực xảy ra sự cố: Trưởng hợp xe trở quá đầy điều xe xúc đến xúc bột chất thải chờ về kho chứa ban đầu. Buộc chặt bạt phủ thùng xe. + Huy động người lao động tại bộ phận mang dụng cụ thu gom chất thải đã tràn đổ về lại kho chứa. + Vệ sinh khu vực có chất thải tràn đổ. - Thông báo giao thông tại khu vực hoạt động bình thường trở lại. 	Trưởng bộ phận khu vực xảy ra sự cố, Lái xe.
4		Bộ phận môi trường kết hợp cùng Trưởng bộ phận điều tra nguyên nhân và đưa ra giải pháp phòng ngừa tránh lặp lại.	Bộ phận môi trường
5		Bộ phận môi trường lưu hồ sơ sự cố	Bộ phận môi trường

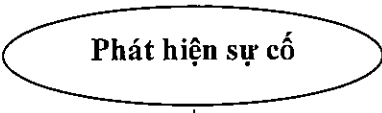
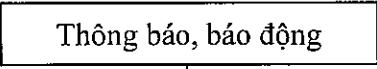
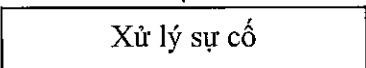
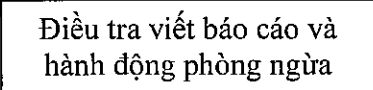
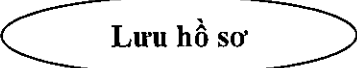
Tình huống 2: Tràn đổ đất tẩy thải ra khỏi kho chứa tại các phân xưởng tinh luyện

Stt	Lưu đồ	Diễn tả	Người thực hiện
1		<p>Giả định: Đơn vị thu gom chất thải không thu gom đúng lịch, làm đầy kho đất thải. Sự cố hệ thống xả đất thải với khối lượng vượt mức chứa của kho. Nhân viên/nhà thầu phát hiện sự cố: Báo cáo đến trưởng bộ phận phân xưởng tinh luyện (bằng bộ đàm hoặc điện thoại).</p>	Nhân viên/nhà thầu
2		<p>Trưởng bộ phận tiến hành kiểm tra và xác thực thông tin sự cố. Tiên thông báo cho Giám đốc nhà máy và bộ phận môi trường, EHS (nếu sự cố có xảy ra).</p>	Trưởng bộ phận RF
3		<p>Phương án ứng phó: TBP trực tiếp chỉ đạo ứng phó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cô lập khu vực tràn đổ, giăng dây cảnh báo không cho người không có nhiệm vụ vào. + Mang trang thiết bị bảo hộ: Bao tay, giày bảo hộ, nón bảo hộ. + Ngắt nguồn tràn: Trưởng bộ phận RF yêu cầu tạm ngưng không xả đất thải xuống kho để vệ sinh khắc phục. + Dùng xẻng xúc đất thải tràn bên ngoài vào túi jumbo (liên hệ lấy tại bộ phận TS), sau đó buộc kín miệng bao vào di chuyển về khu vực có tường bao của RF để lưu chứa tạm. + Vệ sinh lại vị trí tràn đổ. + Trường hợp tràn đổ kết hợp có trời mưa: Trưởng bộ phận thông báo cho EHS khóa van tổng xả nước mưa ra KCN, dùng bạt che phủ hết con mưa sẽ xử lý tiếp (trường hợp mưa kéo dài thì che tạm và tiến hành xử lý). Đất thải nhiễm vào mương nước mưa thì dùng bơm khí nén hút vào tank IBC 1m³ và chuyển giao về trạm xử lý nước thải. + Bộ phận môi trường xem xét quá trình ứng phó, nếu bộ phận không đủ nhân lực có thể đề nghị Giám đốc nhà máy huy động lực lượng ở các bộ phận khác tham gia ứng phó. + Thông báo cho phòng mua hàng làm việc với nhà thầu thu gom đất thải, điều động phương tiện thu gom hoặc ký hợp đồng với đơn vị thu gom khác phù hợp. 	Trưởng bộ phận RF
4		<p>Bộ phận môi trường kết hợp cùng Trưởng bộ phận RF điều tra nguyên nhân và đưa ra giải pháp phòng ngừa tránh lặp lại.</p>	Bộ phận môi trường
5		<p>Bộ phận môi trường lưu hồ sơ sự cố</p>	Bộ phận môi trường

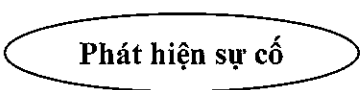
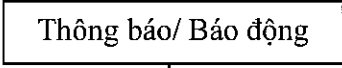

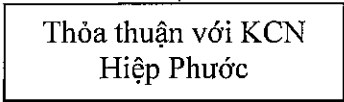
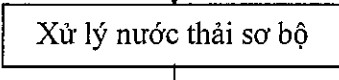
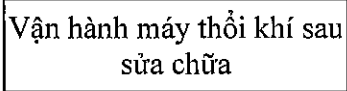
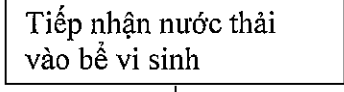
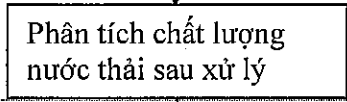
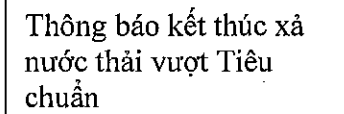
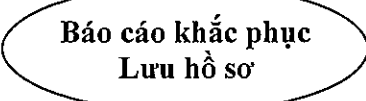
Tình huống 3: Bùn từ kho chứa của trạm xử lý nước thải vượt sức chứa container lưu chứa trong kho.

Stt	Lưu đồ	Diễn tả	Người thực hiện
1		<p>Giả định: Đơn vị thu gom bùn thải không thu gom đúng hạn. Nhu cầu ép xả bùn lớn đột xuất, vượt sức chứa của container chứa. Nhân viên/nhà thầu phát hiện sự cố: Báo cáo đến trưởng bộ phận xử lý nước thải (bằng bộ đàm hoặc điện thoại).</p>	Nhân viên/nhà thầu
2		<p>Trưởng bộ phận tiến hành kiểm tra và xác thực thông tin sự cố. Tiến thông báo cho Giám đốc nhà máy và bộ phận môi trường, EHS (nếu sự cố có xảy ra).</p>	Trưởng bộ phận ETP
3		<p>Phương án ứng phó: TBP trực tiếp chỉ đạo ứng phó: + Mang trang thiết bị bảo hộ: Bao tay, giày bảo hộ, nón bảo hộ. + Ngắt nguồn tràn: Trưởng bộ phận ETP yêu cầu tạm ngưng không ép bùn và ngưng xả bùn xuống container chứa. + Dùng xẻng xúc bùn thải tràn bên ngoài vào túi jumbo (liên hệ lấy tại bộ phận TS), sau đó buộc kín miệng bao tập kết trong nhà ép bùn. + Vệ sinh lại vị trí tràn đổ. + Trường hợp tràn đổ ra bên ngoài kho kết hợp có trời mưa: Trưởng bộ phận thông báo cho EHS khóa van tổng xả nước mưa ra KCN, dùng bạt che phủ hết cơn mưa sẽ xử lý tiếp (trường hợp mưa kéo dài thì che tạm và tiến hành xử lý). + Bộ phận môi trường xem xét quá trình ứng phó, nếu bộ phận không đủ nhân lực có thể đề nghị Giám đốc nhà máy huy động lực lượng ở các bộ phận khác tham gia ứng phó. + Thông báo cho phòng mua hàng làm việc với nhà thầu thu gom bùn, điều động phương tiện thu gom hoặc ký hợp đồng với đơn vị thu gom khác phù hợp.</p>	Trưởng bộ phận ETP
4		<p>Bộ phận môi trường kết hợp cùng Trưởng bộ phận ETP điều tra nguyên nhân và đưa ra giải pháp phòng ngừa tránh lặp lại.</p>	Bộ phận môi trường
5		<p>Bộ phận môi trường lưu hồ sơ sự cố.</p>	Bộ phận môi trường

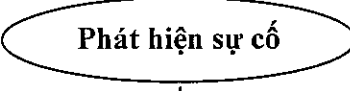
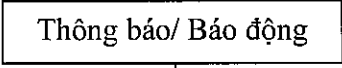
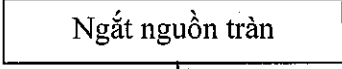
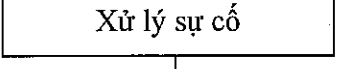
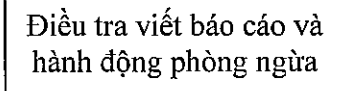

Tình huống 4: Tràn đổ chất thải lỏng (hóa chất/ nhớt thải) tại kho chứa rác thải nguy hại

Stt	Lưu đồ	Diễn tả	Người thực hiện
1		<p>Giả định: Xe nâng nâng/hạ các phuy/can chứa hóa chất hoặc nhớt làm rơi đổ xuống nền đường, dẫn đến bục nắp làm tràn đổ ra ngoài; Khi nhập chất thải (hóa chất/ nhớt) vào kho làm ngã đổ phuy/can chứa làm tràn đổ.</p> <p>Nhân viên/nhà thầu phát hiện sự cố: Báo cáo đến trưởng bộ phận trạm xử lý nước thải (bằng bộ đàm hoặc điện thoại).</p>	Nhân viên/nhà thầu
2		<p>Trưởng bộ phận tiến hành kiểm tra và xác thực thông tin sự cố. Tiến thông báo cho Giám đốc nhà máy và bộ phận môi trường, EHS (nếu sự cố có xảy ra).</p>	Trưởng bộ phận ETP
3		<p>Phương án ứng phó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý bộ phận trực tiếp chỉ đạo ứng phó sự cố: + Cô lập khu vực tràn đổ, giăng dây cảnh báo không cho người không có nhiệm vụ vào. + Mang trang thiết bị bảo hộ: Mặt nạ phòng độc (đối với tràn hóa chất), bao tay cao su, mắt kính. + Ngắt nguồn tràn: Nếu nắp phi hoặc can bị bục nắp khi ngã đổ thì tiến hành dỡ phuy/can đứng lại và khóa nắp kín. Nếu bị bục vỡ phuy/can thì tiến hành sang chiết sang thiết bị lưu chứa khác phù hợp hoặc dùng giẻ lau chặn ép vị trí bục vỡ sau đó mới sang chiết. + Dùng vật liệu thấm hút (cát, giẻ lau) cô lập vị trí tràn đổ và thấm hút. + Thu gom vào túi nilon (2 lớp túi) và bỏ vào đúng vị trí trong kho rác nguy hại. + Vệ sinh lại vị trí tràn đổ. + Trường hợp tràn đổ có tràn vào hệ thống thoát nước mưa khu vực: Lập tức thông báo cho EHS khóa van tổng xả nước mưa ra KCN, dùng bao cát hoặc giẻ lau chặn cuối nguồn tràn (gần nhất), sau đó tiến hành thu gom như các bước trên. + Bộ phận môi trường xem xét quá trình ứng phó, nếu bộ phận không đủ nhân lực có thể đề nghị Giám đốc nhà máy huy động lực lượng ở các bộ phận khác tham gia ứng phó. 	Trưởng bộ phận ETP
4		<p>Bộ phận môi trường kết hợp cùng Trưởng bộ phận ETP điều tra nguyên nhân và đưa ra giải pháp phòng ngừa tránh lặp lại.</p>	Bộ phận môi trường
5		<p>Bộ phận môi trường lưu hồ sơ sự cố</p>	Bộ phận môi trường

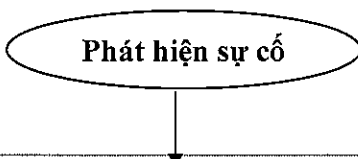
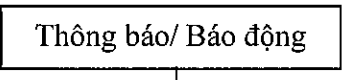
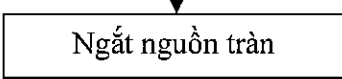
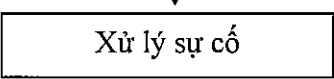
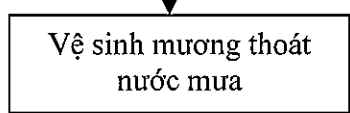
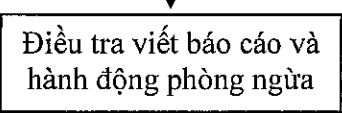
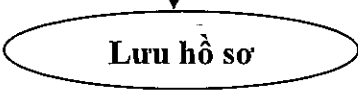
Tình huống 5: Bể vi sinh trạm xử lý nước thải 200 m³/ngày bị sự cố nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn xả thải

Stt	Lưu đồ	Diễn tả	Người thực hiện
1		Giả định: Vận hành phát hiện máy thổi khí bị hỏng (máy phát ra tiếng động lớn bất thường, bể vi sinh không sục khí, ...). Vận hành tắt máy thổi khí. Thông báo cho trưởng bộ phận ETP (bằng bộ đàm hoặc điện thoại).	Nhân viên/ nhà thầu
2		Trưởng bộ phận tiến hành kiểm tra và xác thực thông tin sự cố. Tiến thông báo cho Giám đốc nhà máy và bộ phận môi trường (nếu sự cố có xảy ra), EHS, đồng thời báo bộ phận bảo trì kiểm tra sửa chữa.	Trưởng bộ phận ETP
3		Kiểm tra đánh giá tình trạng hư hỏng và đưa ra thời gian hoàn thành khắc phục cho máy hoạt động trở lại. Trường hợp thời gian xử lý nhỏ hơn 24h: Bộ phận WS tiến hành sửa chữa và vận hành hệ thống trở lại. Trường hợp lớn hơn 24h phải thông báo cho KCN Hiệp Phước để có phương án thu gom xử lý.	Bộ phận bảo trì
4		Thỏa thuận với KCN Hiệp Phước thu gom nước thải sau xử lý hóa lý, có nồng độ ô nhiễm cao hơn bình thường (Keo tụ tạo bông -> lắng -> Bể tuyển nổi -> Bể sau xử lý -> KCN Hiệp Phước).	Bộ phận môi trường
5		Dùng bơm bằng khí nén bơm nước thải sau công đoạn ở bể Tuyển nổi 2 về hồ nước thải sau xử lý và xả ra hệ thống tiếp nhận nước thải của KCN Hiệp Phước đã thỏa thuận.	Vận hành ETP
6		Vận hành máy thổi khí trở lại, đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định. Sục khí vào bể vi sinh tối thiểu 2h để hệ vi sinh ổn định phục hồi.	Bộ phận WS
7		Ngày đầu: Tiếp nhận 50% lượng nước thải sau xử lý hóa lý vào bể vi sinh, 50% còn lại bơm về KCN Hiệp Phước. Ngày tiếp theo: Tiếp nhận 100%.	Vận hành ETP
8		Phân tích chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo đạt Tiêu chuẩn xả thải KCN Hiệp Phước (pH, COD, TSS, Tổng P, Clorua)	Bộ phận thí nghiệm
9		Căn cứ theo kết quả phân tích của phòng thí nghiệm và kiểm tra hiện trạng máy thổi khí sau sửa chữa, đã vận hành ổn định. Bộ phận môi trường thông báo cho KCN kết thúc sự cố.	Bộ phận môi trường
10		Báo cáo kết thúc sự cố, đưa ra các biện pháp phòng ngừa (bảo trì thiết bị định kỳ, trang bị đầy đủ các vật tư thay thế...) Bộ phận môi trường lưu hồ sơ.	Bộ phận môi trường

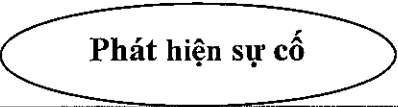
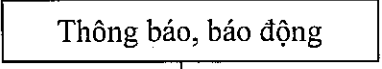
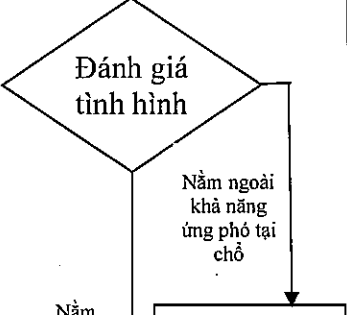
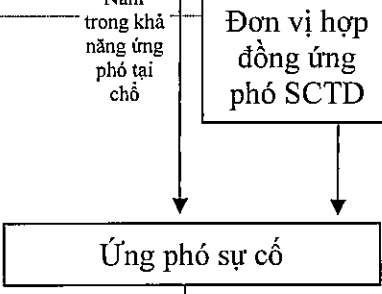
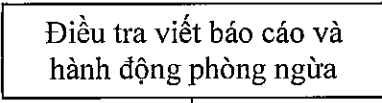
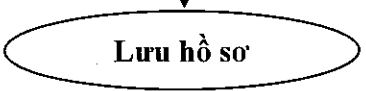
Tình huống 6: Tràn nước thải từ các hố gom và rò rỉ từ hệ thống thu gom nước thải của các bộ phận vào hệ thống thoát nước mưa

Stt	Lưu đồ	Diễn tả	Người thực hiện
1		<p>Giả định: Hố gom nước thải tại bộ phận bị tràn nước thải do bơm bị nghẹt rác hoặc phao bị hỏng. Nhân viên/nhà thầu phát hiện: Báo cáo đến trưởng bộ phận quản lý hố gom hoặc báo cho bộ phận EHS (bằng bộ đàm hoặc điện thoại).</p>	TBP/ EHS
2		<p>Nếu bộ phận EHS nhận thông tin: Thông báo ngay đến trưởng bộ phận quản lý hố gom nước thải đó, đồng thời kiểm tra tại hiện trường. Nếu TBP quản lý hố gom nhận thông tin: Đánh giá thông tin và thông báo cho Giám đốc Nhà máy và bộ phận môi trường. Thông báo EHS yêu cầu đóng các van xả nước mưa ra KCN.</p>	TBP/ EHS
3		<p>Trưởng bộ phận điều phối hoạt động của bộ phận nhằm ngắt nguồn nước thải xả vào hố gom.</p>	TBP
4		<p>Trưởng bộ phận yêu cầu bộ phận bảo trì kiểm tra và sửa chữa ngay nhằm đưa bơm về tình trạng hoạt động bình thường. Đối với nước thải đã tràn ra ngoài: Tiến hành thu gom chuyển giao về trạm xử lý nước thải (chứa trong bồn nhựa 1 m³ hoặc xô) và vệ sinh sạch khu vực do nước thải nhiễm đến. Trường hợp nước thải đã nhiễm ra ngoài nhà máy qua cửa xả nước mưa (đã vào hệ thống thoát nước mưa của KCN): Liên hệ với KCN Hiệp Phước thông báo sự cố nhằm phối hợp để ngăn chặn sự lây nhiễm và tiến hành thu gom lượng nước thải đã tràn đổ ra ngoài (<i>Số điện thoại KCN: 028.37800345 hoặc Mr. Đăng (Trưởng trạm cấp và xử lý nước) – 0986.286.830</i>).</p>	Bộ phận môi trường. Trưởng bộ phận.
5		<p>Bộ phận môi trường kết hợp cùng Trưởng bộ phận gây ra sự cố, điều tra nguyên nhân và đưa ra giải pháp phòng ngừa tránh lặp lại. Báo cáo đến KCN Hiệp Phước (trường hợp nước thải nhiễm vào hệ thống thoát nước mưa của KCN).</p>	Bộ phận môi trường. Trưởng bộ phận
6		<p>Bộ phận môi trường lưu hồ sơ</p>	Bộ phận môi trường


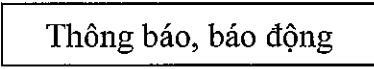
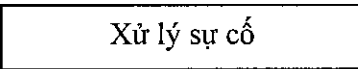
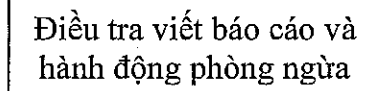
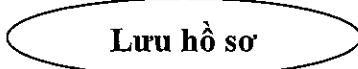
Tình huống 7: Kiểm tra trước khi xả nước mưa ra hệ thống thoát nước mưa KCN, có phát hiện nước thải/nước bẩn đục nhiễm trong hệ thống thoát nước mưa.

Stt	Lưu đồ	Diễn tả	Người thực hiện
1		<p>Giả định: Bộ phận EHS vận hành van xả nước mưa xả ra KCN, phát hiện hệ thống thoát nước mưa có nhiễm nước thải (như nước có màu: Trắng, đục, có vẩn dầu...).</p> <p>Nhân viên vận hành xả van nước mưa thông báo cho trưởng bộ phận EHS, bộ phận môi trường.</p>	Bộ phận EHS/ nhân viên/nhà thầu.
2		Trưởng bộ phận EHS đánh giá thông tin và thông báo cho Giám đốc Nhà máy.	Bộ phận EHS.
3		Điều tra nguồn tràn tại bộ phận nào, nguyên nhân sự cố, tiến hành ngắt nguồn tràn.	Bộ phận môi trường. Bộ phận gây sự cố.
4		<p>Tại 2 van xả nước mưa đầu nối với KCN Hiệp Phước, đã thiết kế sẵn họng tiếp nhận nước thải dẫn về trạm ETP để xử lý. Bộ phận EHS sử dụng bơm chìm (bơm phòng sự cố đặt tại bộ phận bảo trì) và ống mềm vận hành bơm cho đến khi hết lượng nước thải. Hoặc dùng bơm khí nén bơm vào tank chứa 1 m³, sau đó nâng về trạm ETP xử lý.</p> <p>Kết thúc bơm khi có kết quả xác nhận “ĐẠT” từ phòng thí nghiệm sau khi lấy mẫu kiểm tra.</p>	Bộ phận môi trường. Trưởng bộ phận ETP.
5		Dùng giẻ lau, chổi để vệ sinh bên trong mương thoát nước mưa các chất thải còn bám dính (nếu có), dùng nước phun xịt để đảm bảo mương thoát nước mưa sạch sẽ.	Bộ phận gây sự cố.
6		Bộ phận môi trường kết hợp cùng Trưởng bộ phận gây ra sự cố, điều tra nguyên nhân và đưa ra giải pháp phòng ngừa tránh lặp lại.	Bộ phận môi trường. Trưởng bộ phận gây sự cố.
7		Bộ phận môi trường lưu hồ sơ.	Bộ phận môi trường.

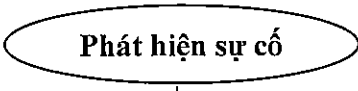
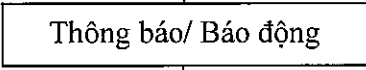
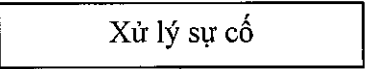
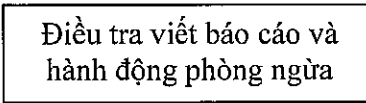
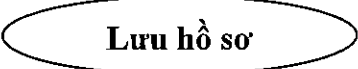
Tình huống 8: Tràn dầu nhiên liệu/hoặc dầu thực vật từ tàu trong khi nhập hàng tại bến cảng chuyên dùng Calofic Hiệp Phước (Công ty đã lập Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và có hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên nghiệp về ứng phó sự cố tràn dầu).

Stt	Lưu đồ	Diễn tả	Người thực hiện
1		<p>Giả định: Sự cố làm dầu tràn ra sông (đứt dây neo là bút ống nhập dầu, bục đường ống, tàu đâm va nhau,...).</p> <p>Người phát hiện hô hoán, thông báo sự cố cho trực cảng.</p>	Nhân viên/nhà thầu.
2		Nhân viên trực tại cảng kiểm tra và xác thực thông tin sự cố, thông báo đến giám đốc nhà máy về sự cố (nguyên nhân ban đầu sự cố; khối lượng dầu tràn ước tính; tình trạng của tàu; hiện trạng thời tiết, thủy triều...) và thông báo cho bộ phận môi trường, EHS (nếu có sự cố xảy ra), đồng thời tìm cách ngắt nguồn tràn (như khóa van, thông báo tàu ngừng bơm,...).	Bộ phận nhà bơm.
3		<ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc nhà máy xem xét đánh giá sơ bộ tình hình: <ul style="list-style-type: none"> + Nếu sự cố nằm trong khả năng ứng phó tại chỗ (sự cố tràn chưa nhiễm xuống nước): Tiến hành huy động lực lượng tại chỗ để sẵn sàng ứng phó. + Nếu sự cố nằm ngoài khả năng ứng phó tại chỗ (đã nhiễm xuống nước): Tiến hành huy động lực lượng tại chỗ và báo cho đơn vị đã hợp đồng ứng phó sự cố tràn dầu (Công ty MCIC) để tiến hành huy động lực lượng và trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu. - Bố trí sẵn sàng các trang thiết bị PCCC, sơ cấp cứu. - Thông báo đến cơ quan chức năng như Cảng vụ Hàng hải Tp.HCM (số điện thoại: 028.39404151) hoặc Sở NN&MT Tp.HCM (số điện thoại: 0283829 0568) về thông tin sự cố và cập nhật thường xuyên quá trình xử lý. 	Giám đốc nhà máy.
4		<ul style="list-style-type: none"> - Nếu sự cố nằm trong khả năng ứng phó tại chỗ: Giám đốc nhà máy chỉ đạo tập hợp đội ứng phó tại chỗ tiến hành ứng phó sự cố: Ngắt nguồn tràn, cô lập cách ly dầu đã tràn đổ, thu gom vào thiết bị chứa, vệ sinh khu vực bị sự cố. - Nếu sự cố nằm ngoài khả năng ứng phó tại chỗ: Giám đốc nhà máy chỉ đạo lực lượng tại chỗ và phối hợp với đơn vị dịch vụ UPSCTD (Công ty MCIC) triển khai quay phao chặn dầu và thu gom theo phương án diễn tập định kỳ. - Sau khi quay phao chặn dầu xong, sẽ tiến hành dùng bơm hút dầu trên lớp mặt vào bể chứa tạm, sau đó dùng các tấm thấp dầu rải trên mặt để thu gom các vẩn dầu còn lại. - Lượng dầu và chất thải phát sinh được thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý theo quy định. - Lấy mẫu phân tích chất lượng nước sông. 	Đơn vị UPSTD đã hợp đồng. Các thành viên đội UPSCTD Calofic Hiệp Phước.
6		Thu thập và lưu trữ bằng chứng để phục vụ công tác bồi thường thiệt hại do SCTD gây ra và đề xuất các phương án phòng ngừa. Báo cáo cho cơ quan chức năng về SCTD đã kết thúc xử lý.	Bộ phận môi trường.
7		Bộ phận môi trường lưu hồ sơ sự cố.	Bộ phận môi trường.

Tình huống 9: Tràn dầu thực vật từ khu vực bồn bể

Stt	Lưu đồ	Diễn tả	Người thực hiện
1		Giả định: Nắp manhold (cửa bên dưới của bồn bể) bị bung nắp làm dầu thực vật tràn ra khu vực bồn bể. Lượng dầu tràn ước tính khoảng 20 – 100 tấn. Nhân viên/nhà thầu phát hiện sự cố: Báo cáo đến trưởng bộ phận hoặc trưởng ca thuộc bộ phận bị sự cố hoặc báo bộ phận EHS.	Nhân viên/nhà thầu.
2		Trưởng bộ phận thông báo cho Giám đốc nhà máy và bộ phận môi trường, bộ phận EHS.	Trưởng bộ phận.
3		Trưởng bộ phận trực tiếp chỉ đạo ứng phó: + Kiểm tra lại tình trạng khóa cả tất cả van xả nước mưa khu bồn bể (đảm bảo khóa kín). + Thông báo cho bộ phận EHS khóa van tổng xả nước mưa (Van xả nước mưa ra KCN). + Nếu mức tràn từ manhold đã giảm áp, tiến hành lắp nắp lại để hạn chế lượng dầu tràn. + Dùng bơm hút lượng dầu tràn vào bể chứa riêng chờ xử lý. + Vệ sinh khu vực bồn bể (nước thải vệ sinh đảm bảo thu gom về trạm xử lý nước thải). + Trường hợp dầu đã nhiễm vào mương thoát nước mưa thì thực hiện tương tự theo Tình huống 6 của Kế hoạch này.	Trưởng bộ phận.
4		Bộ phận EHS, bộ phận môi trường kết hợp cùng TBP điều tra nguyên nhân và đưa ra giải pháp phòng ngừa tránh lặp lại.	Bộ phận môi trường.
5		Bộ phận môi trường lưu hồ sơ sự cố..	Bộ phận môi trường.

Tình huống 10: Khí thải lò hơi đốt than/trấu không đạt Quy chuẩn xả thải, thiết bị đo bụi online lắp trên ống khói báo vượt nồng độ xả thải, khói thải màu xám đen bất thường.

Stt	Lưu đồ	Diễn tả	Người thực hiện
1		Giả định: Vận hành phát hiện nồng độ khí thải báo mức cao vượt quy chuẩn xả thải, từ thiết bị đo quan trắc bụi online lắp trên ống khói. Khói thải có màu xám đen bất thường. Nhân viên lò hơi khẩn cấp báo cho trưởng bộ phận lò hơi về sự cố.	Vận hành lò hơi, ...
2		Trưởng bộ phận thông báo cho Giám đốc nhà máy và bộ phận môi trường, EHS: Tình hình của sự cố.	Trưởng bộ phận.
3		<p>Phương án ứng phó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý bộ phận trực tiếp chỉ đạo ứng phó sự cố: + Quản lý bộ phận, cùng 1 vận hành kiểm tra toàn bộ hệ thống: Bơm cấp nước hệ thống tháp hấp thụ, tháp hấp thụ, quan sát nước hồi từ hệ thống tháp hấp thụ. Hệ thống lọc bụi túi vải. Đánh giá nhanh tình hình, đưa ra kết luận sự cố để có hướng khắc phục kịp thời. + Trường hợp bơm cấp nước hệ thống tháp hấp thụ không hoạt động: Chuyển sang chạy bơm dự phòng, báo bộ phận bảo trì kiểm tra sửa chữa bơm. + Trường hợp cần dừng lò để sửa chữa: Thông báo xin phê duyệt ban giám đốc dừng lò hơi than và vận hành lò hơi gas dự phòng trong thời gian chờ khắc phục. 	Trưởng bộ phận lò hơi.
4		Bộ phận môi trường kết hợp cùng Trưởng bộ phận lò hơi điều tra nguyên nhân và đưa ra giải pháp phòng ngừa tránh lặp lại.	Bộ phận môi trường. Trưởng bộ phận lò hơi.
5		Bộ phận môi trường lưu hồ sơ.	Bộ phận môi trường.

Tình huống 11: Đối với các tình huống liên quan đến rò rỉ, tràn đổ hóa chất, được thực hiện theo Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất đã được ban hành theo quy định về hóa chất.

Tình huống 12: Đối với các tình huống liên quan đến cháy được thực hiện theo Phương án chữa cháy của cơ sở đã được phê duyệt theo quy định về PCCC.

V. Lực lượng, phương tiện ứng phó sự cố chất thải và môi trường

5.1. Danh sách lực lượng tham gia ứng phó sự cố chất thải và môi trường của cơ sở và các đơn vị bên ngoài hỗ trợ ứng phó khi sự cố xảy ra.

- Danh sách lực lượng tham gia ứng phó sự cố chất thải và môi trường của cơ sở.

Bảng 5: Danh sách lực lượng tham gia ứng phó sự cố chất thải và môi trường của cơ sở

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số điện thoại	Vị trí được phân công
1	Nguyễn Văn Sơn Em	Quản lý chung	Giám đốc nhà máy	090.2997.050	Trưởng ban
2	Huỳnh Anh Bảo	Môi trường	Chuyên viên thí nghiệm cấp cao	090.304.7632	Phó ban
3	Quảng Đình Sơn	RF-PH-BL-ETP	Trưởng phòng sản xuất cấp cao	0938.664.434	Thành viên
4	Võ Thị Đào	HR-Admin	Phó phòng nhân sự và hành chính	0396.882.952	Thành viên
5	Nguyễn Văn Viễn	EHS	Phó ban EHS	090.3315.638	Thành viên
6	Huỳnh Hữu Thông	EHS	Chuyên viên an ninh cấp trung	090.9753.252	Thành viên
7	Nguyễn Quý Lâm	Log	Trưởng phòng hậu cần	090.2799.520	Thành viên
8	Hoàng Vạn Triệu	Log	Chuyên viên cầu cảng cấp cao	090.8850.104	Thành viên
9	Đặng Hải Đăng	SF	Trưởng bộ phận chất béo chuyên dụng	0978.230.943	Thành viên
10	Nguyễn Văn Đức	WH	Trưởng bộ phận kho hàng	0979.741.994	Thành viên
11	Nguyễn Huy Bắc	CPP	Trưởng bộ phận đóng gói	0938.681.081	Thành viên
12	Nguyễn Văn Hồ	WS	Phó bộ phận bảo trì	0388.462.648	Thành viên
13	Đỗ Tấn Thơ	WS	Chuyên viên bảo trì cấp cao	0388.462.648	Thành viên
14	Nguyễn Tấn Thành	RF	Phó bộ phận tinh chế	0902.737.442	Thành viên
15	Lạc Dân Hy	HP	Trưởng bộ phận nhà bơm	0703.311.222	Thành viên

Stt	Họ và tên	Bộ phận	Chức vụ	Số điện thoại	Vị trí trí được phân công
16	Ngô Văn Tài	PH	Chuyên viên nhà bơm cấp trung	0934.927.832	Thành viên
17	Nguyễn Huy Thái	BL	Trưởng bộ phận lò hơi	0932.145.778	Thành viên
18	Nguyễn Ngọc Chiến	ETP	Trưởng bộ phận xử lý nước thải	0388.462.648	Thành viên
19	Lực lượng PCCC của Công ty	-	-	-	Thành viên

- Danh sách lực lượng bên ngoài tham gia hỗ trợ ứng phó khi xảy ra sự cố chất thải và môi trường.

Bảng 6: Danh sách lực lượng bên ngoài

Stt	Tên cơ quan/đơn vị	Họ và tên lãnh đạo cơ quan/đơn vị	Chức vụ	Số điện thoại
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường Tp.HCM	-	-	028.3829.3653
2	Cảng vụ Hàng Hải Tp.HCM	-	-	028.3940.4151
3	Đội CC&CNCH KV21	-	-	028.3785.1887 -114
4	Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước	-	-	028.37828119
5	Công ty CP KCN Hiệp Phước	-	-	0964.118.833
6	Bệnh viện Nhà Bè	-	-	028.3781.5558 - 115
7	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Công trình Hàng Hải Việt Nam (MCIC) (đơn vị hợp đồng ứng phó sự cố tràn dầu)	Trần Thành Trung	Tổng giám đốc	0962.667.700/ 0225.628.5060

- Danh sách các đơn vị lân cận:

Bảng 7: Danh sách các đơn vị lân cận

Stt	Tên cơ quan/đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại
1	Cảng Container Trung Tâm Sài Gòn (SPCT)	Lô C17, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Tp.Hồ Chí Minh	028. 3873.4488

Stt	Tên cơ quan/đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại
2	Công ty Cổ phần CN Vĩnh Tường	Lô C23a, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Tp. Hồ Chí Minh	028.3873.4418
3	Công ty TNHH Meizan CLV (MCC)	Lô C20a-1, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Tp. Hồ Chí Minh	028. 3838.6611
4	Nhà máy Dược phẩm An Thiên	C16, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Tp. Hồ Chí Minh	028.3873.4380
5	Công ty TNHH Saint-Gobain VN	Lô C20B, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Tp. Hồ Chí Minh	028.3776.1888
6	Nhà máy Xi măng Vicem Hạ Long	Lô C25, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Tp. Hồ Chí Minh	028.3781.8494

5.2. Phương tiện ứng phó sự cố chất thải và môi trường

Bảng 8: Trang thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố chất thải và môi trường

Stt	Công trình, thiết bị, phương tiện	Vị trí	Mục đích
1	Giẻ lau	Tại các bộ phận	Ngăn chặn tràn chất lỏng; Vệ sinh khu vực
2	Bơm di động (bơm khí)	Tại bộ phận xử lý nước thải, tinh chế, nhà bơm.	Bơm chất lỏng do sự cố tràn ra
3	Bồn chứa di động loại 1m ³	Tại bộ phận tinh chế, nhà bơm	Chứa chất lỏng do sự cố tràn ra
4	Bể chứa nước thải đầu vào hiện hữu	Nhà xử lý nước thải	Chứa nước thải do sự cố tràn ra
5	Xô chứa, chổi, ki xúc rác	Tại các bộ phận	Vệ sinh khu vực xảy ra sự cố
6	Xe nâng	Kho hàng	Vận chuyển các bể chứa di động
7	Thiết bị dự phòng: Túi lọc bụi nổi hơi	Kho kỹ thuật	Dự phòng thay thế túi bị hỏng
8	Bơm dự phòng cấp nước tháp hấp thụ	Nổi hơi	Thay thế trường hợp bơm đang chạy bị hỏng
9	Bơm chìm dự phòng	Bộ phận bảo trì	Bơm nước thải
10	Bao jumbo loại 1 tấn	Tinh chế (vỏ bao chứa đất tẩy)	Chứa tạm rác thải
11	Tường bao xây xung quanh khu bồn bể, gờ bao/pallet chống rò.	Bộ phận nhà bơm, bộ phận đóng gói	Phòng ngừa dầu thực vật tràn từ bồn bể.
12	Phương tiện liên lạc: Điện thoại cố định, bộ đàm liên lạc.	Tại các bộ phận	Liên lạc trong trường hợp xảy ra sự cố

Stt	Công trình, thiết bị, phương tiện	Vị trí	Mục đích
13	Phao quây dầu tự nổi (cao 750 mm, nổi/chìm 350/400 cm)	Cầu cảng	Ứng phó sự cố tràn dầu
14	Bồn chứa dầu cơ động triển khai dưới nước (5m ³)	Cầu cảng	Ứng phó sự cố tràn dầu
15	Phao quây thấm dầu Ø20 x 6m	Cầu cảng	Ứng phó sự cố tràn dầu
16	Tấm thấm dầu 40cm x 50cm x 0.5cm. 100 tấm/kiện	Cầu cảng	Ứng phó sự cố tràn dầu
17	Chất thấm và phân hủy sinh học dầu 10kg/bao	Cầu cảng	Ứng phó sự cố tràn dầu
18	Vợt thu hồi	Cầu cảng	Ứng phó sự cố tràn dầu
19	Túi đựng chất thải nguy hại 80cm x 120cm	Cầu cảng	Ứng phó sự cố tràn dầu
20	Trang bị bảo hộ chống nhiễm dầu chuyên dụng	Cầu cảng	Ứng phó sự cố tràn dầu
21	Dây kéo phao	Cầu cảng	Ứng phó sự cố tràn dầu
22	Các trang thiết bị PCCC: Bình PCCC, lăng vòi hệ thống cấp nước PCCC, hệ thống báo cháy.	Tại các khu vực có môi nguy (đã được phê duyệt trong Phương án PCCC)	Phòng cháy chữa cháy

5.3. Nhiệm vụ của các bộ phận

5.3.1. Nhiệm vụ chung

Tất cả các thành viên và nhân viên trong các bộ phận tại nhà máy đều có trách nhiệm phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải và môi trường. Luôn tuân thủ các quy định về hướng dẫn công việc, an toàn và môi trường để không phát sinh sự cố xảy ra.

5.3.2. Nhiệm vụ cụ thể

- Trưởng ban (Giám đốc nhà máy):

- + Tổ chức việc xây dựng phương án ứng phó phù hợp với tình hình thực tế tại hiện trường;
- + Phân công, giao trách nhiệm cụ thể cho các thành viên;
- + Chỉ huy, điều động các lực lượng tham gia ứng phó sự cố;
- + Bổ nhiệm người chỉ huy tại hiện trường phù hợp với từng tình huống cụ thể;
- + Tổng hợp, đánh giá tình sự cố và báo cáo cơ quan thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Phó ban:

- + Hỗ trợ trưởng ban trong quá trình ứng phó sự cố;
- + Thay mặt trưởng ban điều hành hoạt động ứng phó khi trưởng ban vắng mặt.

- Các thành viên:

- + Toàn bộ cán bộ, nhân viên trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất tại bộ phận khi có sự cố chất thải và môi trường xảy ra tại bộ phận phải tham gia ứng phó sự cố tại hiện trường theo chỉ đạo;
- + Khoanh vùng sự cố tránh lan rộng diện tích ảnh hưởng;
- + Thực hiện khắc phục sự cố tuân theo sự chỉ đạo của người chỉ đạo ứng phó sự cố;
- **Bộ phận an ninh, môi trường:**
 - + Tham mưu Trưởng/phó ban chỉ huy triển khai các phương án ứng phó phù hợp tình hình thực tế tại hiện trường;
 - + Chịu sự phân công, giao trách nhiệm chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong trường hợp được ủy quyền;
 - + Bộ phận môi trường: Tổng hợp báo cáo Trưởng/phó ban chỉ huy để báo cáo cơ quan thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
 - + Bộ phận an ninh: Có trách nhiệm thống kê các thiệt hại và phương án bồi thường thiệt hại do sự cố;
 - + Bộ phận an ninh: Có trách nhiệm sơ cấp cứu người bị nạn (nếu có), kịp thời gọi hỗ trợ của đơn vị y tế.
- **Bộ phận sửa chữa, bảo trì:**
 - + Tham gia sửa chữa khắc phục thiết bị khi có sự cố;
 - + Hỗ trợ các hoạt động ứng phó bằng nhân lực, trang thiết bị và kỹ năng bảo trì;
 - + Giám sát toàn bộ quá trình khắc phục các sự cố của nhóm bảo trì cho đến khi hệ thống hoạt động bình thường trở lại;
 - + Tư vấn cho trường ban ứng phó sự cố các hoạt động bảo trì cần thiết cho quá trình ứng phó sự cố.

5.4. Tổ chức chỉ huy

Công ty bố trí lực lượng tại chỗ để đảm bảo sẵn sàng ứng phó với sự cố môi trường xảy ra. Thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ:

- **Lực lượng tại chỗ.**
- **Chỉ huy tại chỗ.**
- **Phương tiện tại chỗ.**
- **Hậu cần tại chỗ.**

Cán bộ, nhân viên trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất tại bộ phận là thành viên ứng phó sự cố môi trường. Các thành viên có trách nhiệm tham gia ứng phó sự cố môi trường, khi sự cố xảy ra tại bộ phận hoặc được điều động ứng phó sự cố môi trường xảy ra tại bộ phận khác trong nhà máy, theo sự chỉ đạo của Trưởng ban/ phó ban và trưởng bộ phận.

Trường hợp sự cố môi trường vượt quá tầm kiểm soát xử lý tại chỗ của bộ phận, Trưởng ban (Giám đốc nhà máy) sẽ điều động nhân lực từ các bộ phận khác trong nhà máy cùng tham gia khắc phục sự cố môi trường.

Trường hợp sự cố môi trường vượt quá tầm kiểm soát xử lý tại chỗ của Công ty, Trưởng ban (Giám đốc nhà máy) sẽ liên hệ xin hỗ trợ từ các cơ quan bên ngoài cùng tham gia khắc phục sự cố môi trường.

5.5. Kế hoạch tập huấn và diễn tập định kỳ của cơ sở về ứng phó sự cố chất thải và ứng phó sự cố môi trường

- *Tập huấn, huấn luyện:* Định kỳ 1 năm/lần bộ phận môi trường tổ chức buổi đào tạo về ứng phó sự cố chất thải và môi trường.
 - + Đối tượng đào tạo: Trưởng bộ phận, thành viên trong đội ứng phó sự cố môi trường.
 - + Thời gian đào tạo: ½ ngày/1 lần/ năm.
 - + Người đào tạo: Bộ phận môi trường
 - + Nội dung đào tạo: Thông tin, bối cảnh chung hoạt động sản xuất của nhà máy; Tình huống xảy ra sự cố chất thải và môi trường; Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải và môi trường.
- *Diễn tập:* Đề chủ động ứng phó khi có sự cố về môi trường, định kỳ các bộ phận có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường diễn tập ứng phó sự cố môi trường tại bộ phận theo kịch bản đã xây dựng theo tần suất như sau:

Bảng 9: Nội dung và tần suất diễn tập định kỳ

Stt	Sự cố diễn tập	Bộ phận diễn tập	Tần suất diễn tập	Ghi chú
1	Tràn đổ chất thải lỏng (hóa chất, nhớt thải) tại kho chứa rác thải nguy hại	Bộ phận xử lý nước thải	1 năm/lần	Nội bộ
2	Tràn nước thải từ bể gom của hệ thống xử lý nước thải 200 m ³ /ngày.đêm	Bộ phận xử lý nước thải	1 năm/lần	Nội bộ
3	Tràn nước thải từ các hố gom và rò rỉ từ hệ thống thu gom nước thải của các bộ phận vào hệ thống thoát nước mưa	Bộ phận RF, PH	1 năm/lần	Nội bộ
4	Tràn dầu nhiên liệu/hoặc dầu thực vật từ tàu trong khi xuất/nhập hàng tại bến cảng chuyển dùng Calofic Hiệp Phước	Đội ứng phó sự cố tràn dầu	2 năm/lần	Có sự chứng kiến của cơ quan chức năng liên quan
5	Khí thải lò hơi đốt than/trấu không đạt Quy chuẩn xả thải	Bộ phận lò hơi	1 năm/lần	Nội bộ
6	Sự cố tràn đổ hóa chất (H ₂ SO ₄ , NaOH, Vôi, ...)	Bộ phận có sử dụng và lưu trữ hóa chất nguy hiểm (RF, TS, BL, ETP)	1 năm/lần	Nội bộ

Stt	Sự cố diễn tập	Bộ phận diễn tập	Tần suất diễn tập	Ghi chú
7	Diễn tập PCCC	-	1 lần/năm	Có sự chứng kiến của cơ quan chức năng liên quan

VI. Kết luận và kiến nghị

6.1. Đánh giá về tính khả thi của kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và môi trường đã được xây dựng

- Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và môi trường của Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TPHCM được xây dựng phù hợp với điều kiện sản xuất thực tế của Công ty.

- Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và môi trường của Công ty là tài liệu xác định các nguy cơ xảy ra sự cố chất thải và môi trường, dự kiến kịch bản xảy ra sự cố kèm theo các phương án ứng phó tương ứng để bảo đảm phương châm bốn tại chỗ “chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ”.

6.2. Bài học từ sự cố chất thải đã xảy ra (nếu có) và cam kết của cơ sở trong công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố trong giai đoạn tiếp theo.

- Công ty thường xuyên kiểm tra thực hiện đúng quy trình trong sản xuất, phát hiện những nguy cơ mất an toàn, thực hiện các biện pháp phòng ngừa có hiệu quả, không để xảy ra sự cố về môi trường trong sản xuất.

- Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TPHCM cam kết thực nghiêm túc theo các quy định của Pháp Luật về lĩnh vực môi trường.

- Cam kết thực hiện các biện pháp ứng cứu khi có sự cố chất thải và môi trường xảy ra như đã nêu trong Kế hoạch này;

- Cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm môi trường nếu xảy ra sự cố do bên Công ty gây ra.

6.3. Kiến nghị của cơ sở

- Các cơ quan chức năng thường xuyên mở các lớp tập huấn về ứng phó sự cố môi trường, tổ chức diễn tập ứng phó sự cố để Công ty học hỏi kinh nghiệm cho công tác chuẩn bị sẵn sàng ứng phó sự cố môi trường tại doanh nghiệp.

- Tổ chức các hội thảo để kịp thời triển khai các nghị định, thông tư, quy định mới về lĩnh vực môi trường của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường và thông tin đến doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tham gia nhằm hướng dẫn cũng như thảo luận và giải đáp các thắc mắc của các doanh nghiệp.

PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh;
2. Giấy chứng nhận đầu tư;
3. Giấy phép môi trường.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 5700101362-008

Đăng ký lần đầu, ngày 16 tháng 07 năm 2012

Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 19 tháng 08 năm 2025

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CALOFIC TẠI HIỆP PHƯỚC, TP.HCM

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài: CALOFIC CORPORATION - HIEP PHUOC, HCMC BRANCH

Tên chi nhánh viết tắt: CALOFIC HIỆP PHƯỚC

2. Địa chỉ:

Lô C21 và Lô C18-C24, Khu công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3781 8806

Số Fax: (028) 3781 8802

Thư điện tử: contact@wilmar.com.vn

Website: www.calofic.com.vn

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ, chữ đệm và tên: VŨ VĂN PHÚ

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 22/02/1974

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 022074000499

Địa chỉ liên lạc: PG3-08, Tổ 59, Khu 4, Phường Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH CALOFIC

Mã số doanh nghiệp: 5700101362

Địa chỉ trụ sở chính: Khu vực Cảng Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Phan Thị Ngọc Hiền

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 4316158428

Chứng nhận lần đầu: ngày 16 tháng 7 năm 2012

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ mười bảy: ngày 18 tháng 9 năm 2024

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 731/TTg ngày 03 tháng 10 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4316158428, chứng nhận lần đầu ngày 16/7/2012, chứng nhận điều chỉnh lần thứ mười sáu ngày 20/12/2023 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Calofic;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Calofic nộp ngày 17/9/2024,

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



Chứng nhận:

Dự án đầu tư CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CALOFIC TẠI HIỆP PHƯỚC, TPHCM; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4316158428, chứng nhận lần đầu ngày 16/7/2012, chứng nhận điều chỉnh lần thứ mười sáu ngày 20/12/2023 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp;

Được đăng ký điều chỉnh các nội dung dự án như sau: quy mô của dự án, tiến độ thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

Siteki Investments Pte Ltd; Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 199604663G, cấp ngày 26/6/1996, nơi cấp Singapore.

Địa chỉ trụ sở chính: 28 Biopolis Road, Wilmar International, Singapore (138568).

Đại diện bởi Bà TEO LA-MEI; chức vụ: Giám đốc; sinh ngày 13/12/1959; quốc tịch Singapore; hộ chiếu số K3668106R, cấp ngày 02/12/2022, nơi cấp Singapore; đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay tại: 28 Biopolis Road, Wilmar International, Singapore (138568); số điện thoại: +65 62160244; số fax: +65 65362192.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

Công ty TNHH Calofic; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101362, đăng ký lần đầu ngày 24/6/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 06/4/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Khu vực Cảng Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam; số điện thoại: 02 03 3846993; fax: 02 03 3845971; email: info-calofic@vn.wilmar-intl.com;

Đại diện bởi Ông Vũ Văn Phú; chức vụ Tổng giám đốc; sinh ngày 22/02/1974; quốc tịch Việt Nam; hộ chiếu số: C4460944, cấp ngày 23/02/2018, nơi cấp Cục Quản lý Xuất nhập cảnh; đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay tại: căn hộ PG3-8, lô SH-04, khu DV cao cấp Bến Đoan, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; số điện thoại: 02 03 3846993; địa chỉ email: info-calofic@vn.wilmar-intl.com.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:



Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CALOFIC TẠI HIỆP PHƯỚC, TPHCM

2. Địa điểm thực hiện dự án: Lô C21 và Lô C18-C24, khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

Diện tích đất dự kiến sử dụng: 131.690,6 m² (diện tích Lô C21 là 84.982,7 m², diện tích Lô C18-C24 là 46.707,9 m²).

3. Mục tiêu dự án:

- Sản xuất, chế biến để tiêu thụ nội địa và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm do Công ty sản xuất, chế biến sau đây:

+ Tất cả các loại và các hạng dầu thực vật và các phần phân đoạn của chúng, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi về mặt hóa học (như sản phẩm đậu cò; dầu hạt cò; dầu dừa; dầu đậu tương; dầu hạt cải; dầu hạt ngô; dầu lạc; dầu hạt vừng; dầu hạt hướng dương; dầu ô liu; dầu chè; dầu cám gạo; dầu cò stearin đã hydro hóa; dầu cò olein đã hydro hóa; margarine, shortening; dầu thay thế hương bơ và các loại dầu thực vật khác,...) và chất béo động vật (đã qua sơ chế) trong các bao bì khác nhau (như chai nhựa, túi nhựa, thùng carton, can nhựa/kim loại, hộp thiếc, phuy thép và hàng xá);

+ Tất cả các loại quả và hạt có dầu, cơm dầu, bã dầu, khô dầu, các loại hạt bao gồm cả ngũ cốc như cám gạo, hạt ngô, hạt lạc, hạt vừng, hạt điều, cùi dừa, hạt đậu tương, hạt cải và sắn,...;

+ Các vật liệu bao bì nhựa, bao bì nhựa đóng gói dầu và mỡ động, thực vật cho việc sản xuất sản phẩm của Công ty;

+ Xà phòng, các loại chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;

+ Các vật liệu bao bì và bao bì đóng gói xà phòng, các loại chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;

- Thực hiện tiếp thị, khuyến mãi, phân phối, bán và các hoạt động khác liên quan đến sản phẩm của Công ty;

- Mua và nhập khẩu thiết bị, máy móc, dụng cụ và các vật liệu khác cho các hoạt động sản xuất, chế biến và đóng gói; mua và nhập khẩu nguyên liệu cho việc sản xuất sản phẩm của Công ty;

- Thuê và cho thuê bể chứa và nhà kho giữa Công ty và các chi nhánh của Công ty; các công ty con và các công ty thành viên của Tập đoàn Wilmar (mã ngành 52109);

- Cung cấp hơi cho các công ty con và các công ty thành viên của Tập đoàn Wilmar (mã ngành 3530);

- Cung cấp dịch vụ xử lý nước thải cho các công ty con và các công ty thành viên của Tập đoàn Wilmar (mã ngành 3700);



- Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu phục vụ cho Công ty và các chi nhánh của Công ty; các công ty con và các công ty thành viên của Tập đoàn Wilmar (mã ngành 5229);

- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam (CPC 622), cụ thể đối với các loại hàng hóa sau:

+ Tất cả các loại và các hạng dầu và mỡ động, thực vật và các phân phân đoạn của chúng, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi về mặt hóa học (như sản phẩm dầu cọ; dầu hạt cọ; dầu dừa; dầu đậu tương; dầu hạt cải; dầu hạt ngô; dầu lạc; dầu hạt vừng; dầu hạt hướng dương; dầu ô liu; dầu chè; dầu cám gạo; dầu cọ stearin đã hydro hóa; dầu cọ olein đã hydro hóa; magarine; shortening; dầu thay thế hương bơ và các loại dầu, mỡ động, thực vật khác,...) trong các bao bì khác nhau (như chai nhựa, túi nhựa, thùng carton, can nhựa/kim loại, hộp thiếc, phuy thép và hàng xá);

+ Tất cả các loại quả và hạt có dầu, com dầu, bã dầu, khô dầu, các loại hạt bao gồm cả ngũ cốc như cám gạo, hạt ngô, hạt lạc, hạt vừng, hạt điều, cùi dừa, hạt đậu tương, hạt cải và sắn,...;

+ Các vật liệu bao bì, bao bì đóng gói dầu và mỡ động, thực vật;

+ Các loại nguyên vật liệu, hóa chất và phụ gia thực phẩm phục vụ cho việc sản xuất các sản phẩm dầu và chất béo;

+ Các loại thiết bị, máy móc, dụng cụ, phụ tùng và các vật liệu khác phục vụ cho các hoạt động sản xuất, chế biến và đóng gói;

+ Các loại hàng hóa, sản phẩm phục vụ cho hoạt động xúc tiến thương mại;

+ Xà phòng, các loại chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;

+ Các vật liệu bao bì, bao bì đóng gói xà phòng, các loại chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;

+ Các loại nguyên vật liệu và hóa chất phục vụ cho việc sản xuất xà phòng, các loại chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.

+ Các sản phẩm hoá chất từ dầu thực vật như glycerin, các axit béo, cồn béo, phôi xà phòng và các sản phẩm có nguồn gốc từ chúng.

4. Quy mô dự án:

- Sản xuất dầu tinh luyện từ phân xưởng tinh chế vật lý quy mô 365.000 tấn dầu tinh luyện/năm;

- Sản xuất xà phòng, các loại chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh quy mô 27.375 tấn sản phẩm/năm;

- Sang chiết, đóng gói glycerin tinh luyện phục vụ cho hoạt động xúc tiến thương mại, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và quyền phân phối bán buôn của Công ty quy mô 100.000 tấn sản phẩm/năm.



5. Tổng vốn đầu tư: 2.930.013.391.386 (Hai ngàn chín trăm ba mươi tỷ không trăm mười ba triệu ba trăm chín mươi một ngàn ba trăm tám mươi sáu) đồng Việt Nam tương đương 143.697.385 (Một trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm tám mươi lăm) đô la Mỹ.

Cụ thể:

* Vốn đầu tư cho dự án trên Lô C21 (diện tích 84.982,7 m²):

- Vốn đầu tư giai đoạn năm 2005-2009 (thành lập nhà máy tại KCN Hiệp Phước để xây dựng chi nhánh để sản xuất và chế biến dầu thực vật): 34.000.000 (Ba mươi bốn triệu) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 10.000.000 (Mười triệu) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: đã hoàn tất.

- Vốn đầu tư giai đoạn năm 2009-2010 (đầu tư bể chứa dầu và xây dựng phân xưởng nôi hơi): 3.530.000 (Ba triệu năm trăm ba mươi ngàn) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 3.530.000 (Ba triệu năm trăm ba mươi ngàn) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: đã hoàn tất.

- Vốn đầu tư giai đoạn năm 2010-2011 (đầu tư thêm phân xưởng tách sáp, đầu tư định kỳ thiết bị để hỗ trợ cho việc vận hành nhà máy): 2.942.028 (Hai triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn không trăm hai mươi tám) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 2.942.028 (Hai triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn không trăm hai mươi tám) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: đã hoàn tất.

- Vốn đầu tư năm 2012 (xây dựng nhà kho, lắp đặt dây chuyền bơm dầu vào chai và dây chuyền thổi chai, chuyển đổi một máy shortening thành một dây chuyền đóng gói shortening/margarine/chất béo chuyên dụng và đầu tư cho bộ máy phát điện (1.450 KVA) và bổ sung vốn lưu động): 16.283.000 (Mười sáu triệu hai trăm tám mươi ba ngàn) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 4.275.271 (Bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm bảy mươi một) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: đã hoàn tất.

- Vốn đầu tư từ năm 2013:

+ Xây dựng một phân xưởng trung hòa công suất 200 tấn/ngày, một phân xưởng tinh chế công suất 100 tấn/ngày và xây dựng các bể chứa bằng thép mềm bao gồm 04 bể loại 1.000 tấn, 02 bể loại 500 tấn và 04 bể loại 250 tấn: 6.575.000 (Sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 6.575.000 (Sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: đến tháng 6/2013.

+ Đầu tư 01 máy dán nhãn đề can tự động cùng với một số thiết bị để phù hợp với thiết kế chai, nhãn mới và một số máy móc thiết bị có giá trị nhỏ khác tại Chi nhánh Calofic tại KCN Hiệp Phước: 1.387.271 (Một triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi một) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 1.387.271 (Một triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi một) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: đến tháng 01/2014.



- Vốn đầu tư trong năm 2015 (đầu tư thêm dây chuyền thổi chai, dây chuyền đóng gói cho các sản phẩm có quy cách đóng gói lớn, xe nâng hàng, phân xưởng tách sếp dầu cám gạo, hệ thống đo bẻ tự động, hệ thống an ninh, đầu tư định kỳ thiết bị để hỗ trợ cho việc vận hành nhà máy, máy thổi chai, máy thổi chai nhựa PET loại 2 lít, phân xưởng sản xuất dầu axit, các bể chứa bằng thép các loại, các bộ máy xếp hàng lên kệ để hàng tại Chi nhánh Calofic tại KCN Hiệp Phước): 13.985.220 (Mười ba triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm hai mươi) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 13.985.220 (Mười ba triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm hai mươi) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: đến tháng 1/2016.

- Vốn đầu tư trong năm 2016 (mua mới và lắp đặt một dây chuyền thổi chai nhựa 0,4lít/ 1 lít và một dây chuyền máy rót chai cùng loại cùng với thiết bị/vật tư đi kèm; nâng cấp công suất sản xuất của phân xưởng tinh chế 100 tấn/ngày lên thành 200 tấn/ngày; mua mới và lắp đặt một dây chuyền sản xuất thử nghiệm chất béo chuyên dụng; đầu tư nâng cấp hoạt động của phân xưởng đóng gói; đầu tư hệ thống đo bẻ tự động; đầu tư nâng cấp hoạt động hệ thống thu gom tro bụi của Nhà nồi hơi; đầu tư thay thế các thiết bị văn phòng, thiết bị phòng thí nghiệm, máy móc thiết bị đơn giản cho hoạt động sản xuất kinh doanh chung và bổ sung vốn lưu động): 10.180.617 (Mười triệu một trăm tám mươi ngàn sáu trăm mười bảy) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án 6.280.617 (Sáu triệu hai trăm tám mươi ngàn sáu trăm mười bảy) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: tháng 4/2016.

- Vốn đầu tư trong năm 2017:

+ Nâng cấp công suất trung hòa từ 200 tấn/ngày lên 600 tấn/ngày; lắp đặt hệ thống chân không sử dụng nước lạnh tuần hoàn; nâng cấp công suất nhà tách sếp từ 60 tấn/ngày lên 90 tấn/ngày; lắp đặt hệ thống một đường ống xuất nhập dầu từ cầu tàu vào bồn bể; xây dựng đường nội bộ mới và lắp đặt 2 cầu cân mới; xây dựng 4 bể trộn 25 tấn và bãi đỗ xe mở rộng; và đầu tư thay thế các thiết bị văn phòng, máy móc thiết bị đơn giản cho hoạt động sản xuất kinh doanh chung): 2.432.087 (Hai triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn không trăm tám mươi bảy) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án 2.432.087 (Hai triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn không trăm tám mươi bảy) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: tháng 4/2017.

+ Cải tiến phân xưởng chất béo chuyên dụng – nâng cấp máy làm lạnh và máy đánh nhuyễn dầu; lắp đặt máy đóng nắp trong dây chuyền rót cho các sản phẩm có quy cách đóng gói lớn; lắp đặt thiết bị phòng thí nghiệm GC-MS để kiểm tra 3-MCPD, GE và đầu tư các thiết bị văn phòng; máy móc thiết bị đơn giản cho hoạt động sản xuất kinh doanh chung: 2.677.765 (Hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm sáu mươi lăm) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 2.677.765 (Hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm sáu mươi lăm) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: tháng 8/2017.

- Vốn đầu tư trong năm 2018:



+ Xây dựng một phân xưởng tinh chế bán liên tục công suất 200 tấn/ngày; đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc đơn giản, thiết bị văn phòng phục vụ hoạt động chung cho nhà máy tại Chi nhánh Hiệp Phước: 7.366.335 (Bảy triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn ba trăm ba mươi lăm) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 7.366.335 (Bảy triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn ba trăm ba mươi lăm) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: đến tháng 3/2019.

+ Tăng vốn lưu động phục vụ hoạt động của nhà máy tại Chi nhánh Hiệp Phước: 22.000.000 (Hai mươi hai triệu) đô la Mỹ, được huy động từ các khoản vay ngân hàng trong và ngoài nước.

- Vốn đầu tư trong năm 2019:

Đầu tư mới bồn tro và bơm cho nồi hơi than; xây dựng bồn bể, công trình nhỏ, phương tiện vận tải, đầu tư mua sắm máy móc thiết bị đơn giản, thiết bị văn phòng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chung cho nhà máy tại Chi nhánh Hiệp Phước: 1.898.547 (Một triệu tám trăm chín mươi tám ngàn năm trăm bốn mươi bảy) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 1.898.547 (Một triệu tám trăm chín mươi tám ngàn năm trăm bốn mươi bảy) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: tháng 03/2020.

- Vốn đầu tư trong năm 2021:

Đầu tư mới 1 máy làm lạnh dự phòng 580RT cho hệ thống làm lạnh chân không; xây dựng công trình nhỏ, mua phương tiện vận tải, đầu tư mua sắm máy móc thiết bị đơn giản, thiết bị văn phòng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chung cho nhà máy tại Chi nhánh Hiệp Phước: 1.213.998 (Một triệu hai trăm mười ba ngàn chín trăm chín mươi tám) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 1.213.998 (Một triệu hai trăm mười ba ngàn chín trăm chín mươi tám) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: tháng 7/2021.

- Vốn đầu tư trong năm 2023:

Đầu tư đường ống nhập glycerin tinh luyện từ cảng và thiết bị đóng gói cùng phụ kiện; xây dựng công trình nhỏ và đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị văn phòng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chung cho nhà máy tại Chi nhánh Hiệp Phước: 2.578.517 (Hai triệu, năm trăm bảy mươi tám ngàn, năm trăm mười bảy) đô la Mỹ. Trong đó: vốn góp để thực hiện dự án: 230.000 (Hai trăm ba mươi ngàn) đô la Mỹ. Tiến độ góp vốn: tháng 07/2021. Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư: 2.348.517 (Hai triệu, ba trăm bốn mươi tám ngàn, năm trăm mười bảy) đô la Mỹ.

* Vốn đầu tư cho dự án trên Lô C18-C24 (diện tích 46.707,9 m²):

- Vốn đầu tư trong năm 2020:

Đầu tư xây dựng nhà kho (với hệ thống giá đỡ 4 tầng có sức chịu tải cao bản): 9.647.000 (Chín triệu sáu trăm bốn mươi bảy ngàn) đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 9.647.000 (Chín triệu sáu trăm bốn mươi bảy ngàn) đô la Mỹ, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: tháng 8/2020.



- Vốn đầu tư trong năm 2023:

Đầu tư xây dựng phân xưởng sản xuất xà phòng, các loại chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh với công suất 75 tấn/ngày: 5.000.000 (Năm triệu) đô la Mỹ. Trong đó, lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư: 5.000.000 (Năm triệu) đô la Mỹ.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: đến ngày 12/8/2046.

7. Tiến độ thực hiện dự án:

* Tại Lô C21:

- Giai đoạn năm 2005-2009 (thành lập nhà máy tại KCN Hiệp Phước để xây dựng chi nhánh để sản xuất và chế biến dầu thực vật): đã hoàn thành và đi vào hoạt động từ tháng 3/2007.

- Giai đoạn năm 2009-2010 (đầu tư bể chứa dầu và xây dựng phân xưởng nổi hơi): đã hoàn thành và đi vào hoạt động, cụ thể:

+ Bể chứa dầu: bắt đầu hoạt động từ tháng 5/2009;

+ Phân xưởng nổi hơi: bắt đầu hoạt động từ tháng 9/2010;

- Giai đoạn năm 2010-2011 (đầu tư thêm phân xưởng tách sáp, đầu tư định kỳ thiết bị để hỗ trợ cho việc vận hành nhà máy): đã hoàn thành.

- Giai đoạn năm 2012: đã hoàn thành.

- Giai đoạn năm 2013:

+ Xây dựng và lắp đặt MMTB: từ tháng 5/2013 đến tháng 11/2015;

+ Vận hành thử: từ tháng 12/2015 đến tháng 6/2016;

+ Hoạt động chính thức: từ tháng 7/2016.

- Giai đoạn năm 2015:

+ Xây dựng và lắp đặt MMTB: từ tháng 01/2015 đến tháng 6/2016;

+ Vận hành thử: từ tháng 7/2016 đến tháng 10/2016;

+ Hoạt động chính thức: từ tháng 11/2016.

- Giai đoạn năm 2016:

+ Xây dựng và lắp đặt MMTB: từ tháng 4/2016 đến tháng 5/2018;

+ Vận hành thử: từ tháng 2/2017 đến tháng 5/2018;

+ Hoạt động chính thức: từ tháng 6/2018.

- Giai đoạn năm 2017:

+ Xây dựng và lắp đặt MMTB: từ tháng 4/2017 đến tháng 10/2018;

+ Vận hành thử: từ tháng 2/2018 đến tháng 11/2018;

+ Hoạt động chính thức: tháng 12/2018.

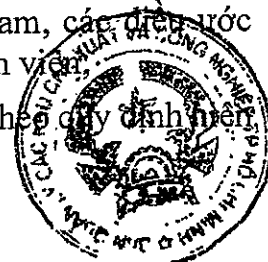


- Giai đoạn năm 2018:
 - + Xây dựng và lắp đặt MMTB: từ tháng 12/2018 đến tháng 02/2021;
 - + Vận hành thử: từ cuối tháng 01/2021 đến tháng 04/2021;
 - + Hoạt động chính thức: từ tháng 04/2021;
- Giai đoạn năm 2021:
 - + Xây dựng và lắp đặt MMTB: từ tháng 8/2021 đến tháng 02/2022;
 - + Vận hành thử: từ tháng 3/2022 đến tháng 11/2022;
 - + Hoạt động chính thức: từ tháng 12/2022;
- Giai đoạn năm 2023:
 - + Xây dựng và lắp đặt MMTB: từ tháng 04/2024 đến tháng 06/2024;
 - + Vận hành thử: từ tháng 11/2024 đến tháng 12/2024;
 - + Hoạt động chính thức : từ tháng 12/2024.
- * Tại Lô C18-C24:
 - Giai đoạn năm 2020:
 - + Xây dựng và lắp đặt MMTB: từ tháng 06/2023 đến tháng 01/2024;
 - + Vận hành thử: từ tháng 01/2024 đến tháng 03/2024;
 - + Hoạt động chính thức: từ tháng 04/2024.
 - Giai đoạn năm 2023:
 - + Xây dựng và lắp đặt MMTB: từ tháng 07/2024 đến tháng 11/2025;
 - + Vận hành thử: từ tháng 12/2025 đến tháng 01/2026;
 - + Hoạt động chính thức: từ tháng 02/2026.
- * Tiến độ huy động vốn:
 - Tiến độ góp vốn: đến tháng 07/2021.
 - Hoàn tất vốn đầu tư: đến tháng 03/2026.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp: Doanh nghiệp được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu công nghiệp, khu chế xuất theo nguyên tắc kế thừa các ưu đãi đã quy định tại Giấy phép đầu tư, Giấy phép đầu tư điều chỉnh, Giấy chứng nhận đầu tư trước đây và phù hợp với các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam, các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

b) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế.



Điều 3: Các điều kiện đối với hoạt động của dự án:

- Nhà đầu tư có trách nhiệm triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về đất đai, môi trường, lao động và pháp luật liên quan trong quá trình triển khai dự án.

- Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư; thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan.

- Đối với hoạt động thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn):

+ Doanh nghiệp phải tuân thủ và đáp ứng điều kiện theo quy định tại Luật Thương mại, Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản khác có liên quan.

+ Doanh nghiệp chỉ được thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu, quyền phân phối các hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành và/hoặc thuộc diện kinh doanh có điều kiện sau khi được cơ quan quản lý chuyên ngành cấp giấy tờ có giá trị tương đương và/hoặc đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật.

+ Doanh nghiệp không được phép kinh doanh hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, nhập khẩu hoặc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc hàng hóa thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

+ Chấp hành và tuân thủ các quy định khi có sự điều chỉnh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh và địa điểm hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

+ Thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp phát sinh từ hoạt động mua bán hàng hóa theo quy định hiện hành.


+ Doanh nghiệp không được chứa hàng hóa thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối tại các kho hàng không đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư. Kho chứa các hàng hóa để thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối phải đáp ứng các điều kiện về chứa hàng, đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, đảm bảo vệ sinh môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm theo đúng quy định.



Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4316158428, chứng nhận lần đầu ngày 16/7/2012, chứng nhận điều chỉnh lần thứ mười sáu ngày 20/12/2023 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; 01 bản cấp cho Công ty TNHH Calofic; 01 bản lưu tại Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh và được đăng tải lên Hệ thống Thông tin Quốc gia về Đầu tư.

TRƯỞNG BAN



Quốc Hưng

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 57 /GPMT-BTNMT

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 54/2023/OL-CLF ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Công ty TNHH Calofic về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Nâng công suất tinh luyện dầu thực vật từ 292.000 tấn sản phẩm/năm lên 365.000 tấn sản phẩm/năm”;

Theo đề nghị của Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Calofic, địa chỉ tại Khu công nghiệp Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với Dự án đầu tư “Nâng công suất tinh luyện dầu thực vật từ 292.000 tấn sản phẩm/năm lên 365.000 tấn sản phẩm/năm” có địa chỉ tại Lô C21 và Lô C18-C24, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nâng công suất tinh luyện dầu thực vật từ 292.000 tấn sản phẩm/năm lên 365.000 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô C21 và Lô C18-C24, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4316158428 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận lần đầu ngày 16 tháng 7 năm 2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 14 ngày 04 tháng 4 năm 2022; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 24 tháng 6 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 22 tháng 9 năm 2021; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 5700101362-008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16 tháng 7 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 28 tháng 9 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 5700101362-008.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất dầu ăn.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Tổng diện tích dự án: 131.690,6 m² (trong đó, Lô C21 có diện tích 84.982,7 m²; Lô C18-C24 có diện tích 46.707,9 m²).
- Công suất: 365.000 tấn dầu tinh luyện/năm.
- Tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất:
 - + Quy trình chính tinh luyện dầu (công suất 292.000 tấn/năm), tinh luyện bán liên tục (công suất 73.000 tấn/năm): Dầu nành/gạo trung hoà, Dầu cọ/Dầu nhân cọ hydro hoá → Gia nhiệt → Khử keo/gum → Tẩy màu → Lọc khung bản → Lọc tinh → Gia nhiệt → Khử mùi → Hạ nhiệt → Lọc tinh → Sản phẩm.
 - + Quy trình trung hoà dầu thô (công suất 219.000 tấn/năm): Dầu thô → Gia nhiệt → Khử keo/gum → Trung hoà kiềm → Ly tâm → Chia pha:
 - Pha nặng (soapstock) → Gia nhiệt → Axit hoá → Lắng → Dầu axit lưu trong bồn chứa;
 - Pha nhẹ (dầu trung hoà) → Tách ẩm/Rửa nước → Lọc thô (sau tách ẩm) → Lọc tinh → Sản phẩm lưu trong bồn chứa.
 - + Quy trình tách sáp dầu cám gạo (công suất 32.850 tấn/năm): Dầu gạo → Tạo điều kiện kết tinh → Kết tinh → Lọc và ép → Sản phẩm.
 - + Quy trình sản xuất bơ/shortening/margarine/chất béo chuyên dụng (công suất 38.880 tấn/năm): Dầu đã tinh luyện → Bể trộn → Bơm áp lực cao → Thiết bị làm lạnh → Thiết bị làm nhuyễn → Van làm đồng nhất → Chiết rót đóng thùng → Sản phẩm.
 - + Quy trình tách khô dầu cọ (công suất 164.250 tấn/năm): Dầu cọ tinh luyện → Gia nhiệt → Kết tinh → Lọc và ép → Sản phẩm.
 - + Quy trình thổi chai PET: Hạt nhựa PET → Sấy nhựa → Gia nhiệt nhựa → Ép phôi – làm mát → Phôi nhựa → Gia nhiệt phôi → Thổi chai → Sản phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Calofic:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Calofic có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 13 tháng 3 năm 2023 đến ngày 12 tháng 3 năm 2033).

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- PTTgCP, Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND TP. Hồ Chí Minh (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở TN&MT TP. Hồ Chí Minh;
- BQL các KCX&CN TP. Hồ Chí Minh;
- Công Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Văn phòng TN&TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần KCN Hiệp Phước;
- Công ty TNHH Calofic;
- Lưu: VT, KSONMT, CN&NH.Liem.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 57 /GPMT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải sau xử lý được tái sử dụng và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

- Đã có thoả thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ các khu vực văn phòng, nhà kho (có 02 bể tự hoại 3 ngăn, dung tích thiết kế 35 m³/bể), khu vực phân xưởng nhà bom (có 01 bể tự hoại 3 ngăn, dung tích thiết kế 35 m³); nước thải từ khu vực nhà ăn (có 01 bể tách dầu mỡ, dung tích thiết kế 11,7 m³); nước thải xả đáy định kỳ từ các hệ thống giải nhiệt gián tiếp tại các dây chuyền sản xuất, nước thải từ hệ thống lọc nước RO, nước thải vệ sinh pallet, vệ sinh bồn bể thuộc phân xưởng nhà bom, nước thải rửa dụng cụ từ phòng thí nghiệm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải số 01 của Nhà máy (công suất thiết kế 100m³/ngày), sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước.

- Nước thải từ các công đoạn sản xuất (từ quá trình trung hòa dầu thô, từ xưởng tinh luyện dầu, hệ thống xử lý khí thải lò hơi, xả đáy lò hơi) và nước thải tiếp nhận từ các Công ty thành viên (Công ty TNHH Meizan CLV, Công ty TNHH Thực phẩm quốc tế Nam Dương) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải số 02 của Nhà máy (công suất thiết kế 200 m³/ngày), sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước.

- Điểm đầu nối nước thải phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải. Tọa độ điểm đầu nối nước thải: X = 1176113; Y = 610583.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107°45' phút chiều 3°)

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Hệ thống xử lý nước thải số 01 (công suất 100 m³/ngày): Nước thải (từ khu vực văn phòng, phòng thí nghiệm, nhà ăn, nhà vệ sinh phân xưởng nhà bom, rửa pallet, xả đáy định kỳ tháp giải nhiệt, hệ thống lọc nước RO, vệ sinh bồn bể) → Bể gom → Bể tách dầu

→ Bể xử lý sinh học hiếu khí theo mẻ → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước;

+ Hệ thống xử lý nước thải số 02 (công suất 200 m³/ngày): Nước thải (từ quá trình trung hoà dầu thô) → Bể thu gom 1 → Bể phản ứng 1 → Bể lắng 1 → Bể phản ứng 2 → Bể tuyển nổi 1 → Bể thu gom 2 (tiếp nhận nước thải từ Công ty TNHH Meizan CLV, Công ty TNHH Thực phẩm quốc tế Nam Dương, nước thải sản xuất từ xưởng tinh luyện dầu, hệ thống xử lý khí thải lò hơi, nước xả đáy lò hơi, nước thải sau ép bùn) → Bể phản ứng 3 → Bể lắng 2 → Bể phản ứng 4 → Bể tuyển nổi 2 → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng 3 → Bể phản ứng 5 → Bể lắng 4 → Bể chứa nước → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước.

- Tổng công suất thiết kế: 300 m³/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Ca(OH)₂, PAC, PAM (hoặc các hóa chất khác tương đương, bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước).

1.2.2. Công trình giải nhiệt nước làm mát thiết bị sản xuất:

Máy thổi phôi, máy thổi chai nhựa PET, bộ trao đổi nhiệt cho dầu đã tinh luyện trước khi vào phân xưởng đóng gói, máy làm lạnh cho phân xưởng bơ, cụm máy nén khí, bộ trao đổi nhiệt trong quá trình trung hòa và tinh luyện dầu được làm mát bằng nước. Nước làm mát được thu gom, giải nhiệt và sử dụng tuần hoàn trong các hệ thống riêng biệt, có quy trình công nghệ tương tự nhau.

- Số lượng: 15 hệ thống giải nhiệt nước làm mát, bao gồm: Máy thổi phôi (01 hệ thống), máy thổi chai nhựa PET (01 hệ thống), bộ trao đổi nhiệt cho dầu đã tinh luyện trước khi vào phân xưởng đóng gói (02 hệ thống), máy làm lạnh cho phân xưởng bơ (01 hệ thống), cụm máy nén khí (03 hệ thống), bộ trao đổi nhiệt trong quá trình trung hòa và tinh luyện dầu (07 hệ thống).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước làm mát gián tiếp → Tháp giải nhiệt → Bể chứa → Tuần hoàn tái sử dụng; nước thải xả đáy định kỳ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Biện pháp phòng ngừa sự cố nước thải:

- Bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.

- Trang bị những thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải.

- Ghi chép sổ nhật ký vận hành, theo dõi, giám sát, kiểm tra thường xuyên chế độ vận hành của các hạng mục công trình để nhanh chóng phát hiện sự cố bất thường và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Thường xuyên phối hợp với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Hiệp Phước theo định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra chất lượng nước thải trước khi đầu nối theo quy định của Khu công nghiệp Hiệp Phước.

- Đối với việc tiếp nhận nước thải của 02 Công ty thành viên (Công ty TNHH Meizani CLV, Công ty TNHH Thực phẩm quốc tế Nam Dương): thường xuyên theo dõi, đánh giá cảm quan; trường hợp bất thường cần đo nhanh, lấy mẫu phân tích các thông số cơ bản để đánh giá chất lượng nước trước khi tiếp nhận.

b) Kích bản và phương án ứng phó sự cố trạm xử lý nước thải:

Trường hợp chất lượng nước thải không đáp ứng tiêu chuẩn đầu nối, phải dừng ngay việc xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước, kiểm tra tìm kiếm lỗi phát sinh từ hệ thống, thiết bị nào để thay thế, sửa chữa kịp thời, cụ thể:

- Nếu phát hiện sự cố của hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày: tạm dừng sản xuất công đoạn tương ứng để không phát sinh nước thải, kiểm tra, tìm kiếm, thay thế, sửa chữa thiết bị, bộ phận bị hỏng; sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành lại hệ thống xử lý nước thải, bảo đảm hệ thống vận hành ổn định (lấy mẫu phân tích các thông số ô nhiễm cho đến khi đạt yêu cầu) mới sản xuất trở lại.

- Nếu phát hiện sự cố của hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày: thông báo và ngừng tiếp nhận nước thải từ 02 Công ty thành viên, tạm dừng sản xuất công đoạn tương ứng để không phát sinh nước thải, kiểm tra, tìm kiếm, thay thế, sửa chữa thiết bị, bộ phận bị hỏng; sau khi khắc phục xong sự cố, bơm nước thải chưa đạt yêu cầu quay lại Bể gom 2 và vận hành lại hệ thống xử lý nước thải, bảo đảm hệ thống vận hành ổn định (lấy mẫu phân tích các thông số ô nhiễm cho đến khi đạt yêu cầu) mới vận hành lại sản xuất và tiếp nhận nước thải từ 02 Công ty thành viên.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm lại do Dự án đã hoàn thành vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường và được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra, xác nhận tại Công văn số 2787/STNMT-CCBVMT ngày 14 tháng 4 năm 2022.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, cơ sở bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Hiệp Phước, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 57/GPMT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ lò hơi đốt than/trấu, công suất 22 tấn hơi/giờ.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải từ lò hơi Geka sử dụng nhiên liệu là khí đốt, công suất 3,563 tấn hơi/giờ.
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải từ lò hơi Garioni sử dụng nhiên liệu là khí đốt, công suất 1,141 tấn hơi/giờ.
- Nguồn số 04: Bụi, khí thải từ lò hơi Mechmar sử dụng nhiên liệu là khí đốt, công suất 13,605 tấn hơi/giờ.
- Nguồn số 05: Bụi, khí thải từ lò hơi cao áp Geka sử dụng nhiên liệu là khí đốt, công suất 600.000 kcal/giờ.
- Nguồn số 06: Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng sử dụng nhiên liệu là dầu DO, công suất 1.280 kVA (theo đề nghị của Công ty).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Calofic tại Lô C21 và Lô C18-C24, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107°45' múi chiều 3°):

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói thải sau hệ thống xử lý khí thải của lò hơi đốt than/trấu (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1176252; Y = 610971.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói thải từ lò hơi Geka (nguồn số 02), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1176191; Y = 610849.
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống khói thải từ lò hơi Garioni (nguồn số 03), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1176236; Y = 610875
- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với ống khói thải từ lò hơi Mechmar (nguồn số 04), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1176191; Y = 610822.
- Dòng khí thải số 05: Tương ứng với ống khói thải từ lò hơi cao áp Geka (nguồn số 05), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1176239; Y = 610774.
- Dòng khí thải số 06: Tương ứng với ống khói thải của máy phát điện dự phòng (nguồn số 06), tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1176178; Y = 610825.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 65.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 4.571 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.417 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 23.805 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.615 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 06: Chưa xác định.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống khói thải, xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B; K_p = 0,9 và K_v = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng thải số 01			03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	180		
2	CO	mg/Nm ³	900		
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	765		
4	SO ₂	mg/Nm ³	450		
II	Dòng thải số 02, 03, 04, 05			Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	180		
2	CO	mg/Nm ³	900		
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	765		
4	SO ₂	mg/Nm ³	450		
III	Dòng thải số 06			-	-
Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng sử dụng nhiên liệu là dầu DO, công suất 1.280 kVA, chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.					

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Thu gom theo đường ống riêng về hệ thống xử lý khí thải của lò hơi đốt than/trấu, sau đó xả ra môi trường qua ống khói thải (dòng khí thải số 01).

- Nguồn số 02-05: Xả ra môi trường qua ống khói thải riêng biệt của từng lò hơi sử dụng nhiên liệu khí đốt (tương ứng các dòng khí thải số 02-05).

- Nguồn số 06: Xả ra môi trường qua ống khói thải của máy phát điện dự phòng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải của lò hơi đốt than/trấu (nguồn số 01):

- Quy trình công nghệ: Khí thải → Bộ thu hồi nhiệt → Lọc bụi túi vải → Tháp hấp thụ → Tháp lọc khô → Ống khói thải.

- Công suất thiết kế: 65.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải từ các lò hơi sử dụng nhiên liệu khí đốt (tương ứng các nguồn khí thải số 02-05):

- Số lượng: 04 hệ thống riêng biệt cho 04 lò hơi, quy trình công nghệ tương tự nhau.
- Quy trình công nghệ: Khí thải lò hơi sử dụng nhiên liệu khí đốt → Ống khói thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện quan trắc định kỳ, căn cứ kết quả quan trắc định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý khí thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế, vận hành của hệ thống xử lý khí thải.

- Trang bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hỏng hóc.

- Thường xuyên kiểm tra, làm sạch bụi trên túi lọc, thay mới túi lọc bị hỏng để đảm bảo hiệu suất xử lý bụi cũng như hạn chế tối đa sự cố xảy ra đối với hệ thống lọc bụi túi vải.

- Trường hợp túi lọc bị rách, hỏng phải thay mới kịp thời.

- Trường hợp có khói đen phải dừng lò ngay để kiểm tra, tìm kiếm, thay thế, sửa chữa bộ phận bị hỏng.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải không thể khắc phục được trong thời gian ngắn phải dừng hoạt động lò hơi để xử lý, sau khi khắc phục xong sự cố, bảo đảm hệ thống xử lý khí thải vận hành ổn định (mẫu khí thải sau xử lý đạt yêu cầu) mới cho lò hơi hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm lại do Dự án đã hoàn thành vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường và được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra, xác nhận tại Công văn số 2787/STNMT-CCBVMT ngày 14 tháng 4 năm 2022.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 57 /GPMT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Cụm máy nén khí tại phân xưởng đóng gói.
- Nguồn số 02: Máy thổi chai tại phân xưởng đóng gói.
- Nguồn số 03: Máy thổi phôi phân xưởng đóng gói.
- Nguồn số 04: Máy phát điện dự phòng công suất 1.280 kVA.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1176172; Y = 610648.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1176154; Y = 610666.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1176119; Y = 610783.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1176178; Y = 610825.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107°45' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy và sàn đặt máy phải được kê đệm chống rung để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 57 /GPMT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác) giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	1.128
2	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiăng) thải	18 01 02	1.327
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	2.876
4	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	18 01 04	680
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	49
6	Ắc quy chì thải	19 06 01	336
7	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có chứa chất thải nguy hại	19 05 02	10.530
8	Các loại dầu thải khác	17 07 03	2.339
9	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	20
10	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	36
11	Bao bì mềm thải	18 01 01	375
12	Vật thể mài, đế mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (đá mài, giấy ráp...)	07 03 10	91
13	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH)	16 01 13	60
14	Vật liệu lót và chịu lửa thải có các thành phần nguy hại không phải từ quá trình luyện kim	19 11 03	73
	TỔNG KHỐI LƯỢNG		19.920

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Đất thải từ quá trình tinh luyện dầu thực vật	4.000.000
2	Tro bay từ lò hơi đốt than, trấu	1.400.000
3	Xi than từ lò hơi đốt than, trấu	132.000
4	Bùn từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi	14.000
5	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	614.000
6	Bùn từ hệ thống tháp giải nhiệt, hệ thống cống thoát nước mưa	1.200.000
7	Bao bì hỏng	500.000
8	Chất thải rắn công nghiệp thông thường khác	166.000
TỔNG KHỐI LƯỢNG		8.026.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
I	Rác thải sinh hoạt	44
TỔNG KHỐI LƯỢNG		44

1.4. Chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**2.1.1. Thiết bị lưu chứa:**

Bao bì, thùng, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho số 1: 14 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường và mái bao bằng tôn; nền bê tông; có rãnh thu gom chất thải lỏng về hố gom.

- Diện tích kho số 2: 11 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường và mái bao bằng tôn; nền bê tông; có rãnh thu gom chất thải lỏng về hố gom.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**2.2.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Bao bì.

- 01 silo chứa tro bay, thể tích khoảng 141 m³.

- 02 bể chứa bùn, thể tích khoảng 3 m³/bể.

2.2.2. Kho lưu chứa:

a) Tại Lô C21:

- 02 kho lưu chứa chất thải công nghiệp, diện tích khoảng 16 m²/kho.
- 03 kho lưu chứa đất tầy thải tinh chế, diện tích kho 1 khoảng 39 m², kho 2 khoảng 36 m², kho 3 khoảng 18 m².
- 01 kho lưu chứa bùn thải, diện tích khoảng 68 m².
- 01 kho lưu chứa xỉ than, diện tích khoảng 150 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường gạch, nền bê tông, mái khung thép lợp tôn.

b) Tại Lô C18-C24:

- 01 kho chứa chất thải công nghiệp, diện tích khoảng 9 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường gạch, nền bê tông, mái khung thép lợp tôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng có nắp đậy.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Không có kho lưu chứa riêng chất thải sinh hoạt.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

MÔI TRƯỜNG

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 57 /GPMT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Công ty đã hoàn thành các hạng mục, công trình sản xuất chính và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1224/QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất tinh luyện dầu thực vật từ 292.000 tấn sản phẩm/năm lên 365.000 tấn sản phẩm/năm”, thực hiện tại Lô C21, Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó một số nội dung thay đổi so với Quyết định số 1224/QĐ-BTNMT nêu trên đã được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Công ty.

2. Công ty tiếp tục thực hiện hạng mục xây dựng nhà kho chứa hàng thành phẩm tại Lô C18-C24, Khu công nghiệp Hiệp Phước đã được phê duyệt theo Quyết định 228/QĐ-BTNMT ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt điều chỉnh nội dung Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất tinh luyện dầu thực vật từ 292.000 tấn sản phẩm/năm lên 365.000 tấn sản phẩm/năm” tại Khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh và báo cáo đến Bộ Tài nguyên và Môi trường bằng văn bản sau khi hoàn thành.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

4. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 59/GPMT-BQL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần 1)

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong phạm vi các khu chế xuất, khu công nghiệp được giao quản lý;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 57/GPMT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Calofic;

Xét văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường số 569/2025/OL-CALOFICQN của Công ty TNHH Calofic ngày 20 tháng 10 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

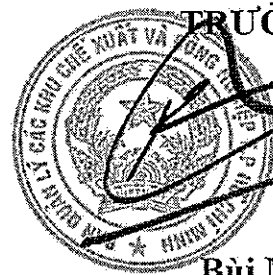
Điều 1: Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 57/GPMT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Calofic có địa chỉ trụ sở chính tại Khu vực Cảng Cái Lân, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 57/GPMT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Calofic.

Điều 2: Công ty TNHH Calofic tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 57/GPMT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Calofic và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) này.

Điều 3: Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường 57/GPMT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Calofic hết hiệu lực. /

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Calofic;
- UBND TP.HCM;
- Sở NN&MT TP.HCM;
- UBND xã Hiệp Phước;
- Công ty CP KCN Hiệp Phước;
- Lãnh đạo Ban;
- Công Thông tin điện tử BQL các KCX&CN TP.HCM;
- Lưu: VT, P.QLMT.Th(12).



TRƯỞNG BAN

Bùi Minh Trí

**Phụ lục****NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 59 /GPMT-BQL ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Điều chỉnh một số nội dung tại Điều 1 của Giấy phép môi trường số 57/GPMT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023

- Điều chỉnh tên dự án thành “Chi nhánh Công ty TNHH Calofic tại Hiệp Phước, TP.HCM”.

- Điều chỉnh nội dung Mục 1.3, Điều 1 của Giấy phép môi trường số 57/GPMT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023, cụ thể như sau:

“1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 4316158428 chứng nhận lần đầu ngày 16 tháng 7 năm 2012, chứng nhận thay đổi lần thứ mười bảy ngày 18 tháng 09 năm 2024 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 5700101362 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 6 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 11 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài Chính tỉnh Quảng Ninh cấp; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số chi nhánh 5700101362-008 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 7 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 19 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.”

- Điều chỉnh nội dung của Mục 1.5, Điều 1 của Giấy phép môi trường số 57/GPMT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023, cụ thể như sau:

“1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất dầu thực vật tinh luyện; sản xuất xà phòng, các loại chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh; sang chiết, đóng gói glycerin tinh luyện.”

- Điều chỉnh nội dung về nhóm dự án đầu tư theo tiêu chí môi trường, công suất sản xuất tại Mục 1.6, Điều 1 của Giấy phép môi trường số 57/GPMT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023, cụ thể như sau:

“Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

Công suất: Sản xuất dầu thực vật tinh luyện công suất 365.000 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh công suất 27.375 tấn sản phẩm/năm; Sang chiết và đóng gói sản phẩm glycerin công suất 100.000 tấn sản phẩm/năm.”

- Bổ sung quy trình sản xuất xà phòng, các loại chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh; sang chiết, đóng gói glycerin tinh luyện tại Mục 1.6 Điều 1 của Giấy phép môi trường số 57/GPMT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023, cụ thể như sau:

+ Quy trình sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (công suất 27.375 tấn/năm): Nguyên liệu → Bể trộn phụ → Bể trộn chính → Bể thành phẩm → Đóng gói → Sản phẩm.

+ Quy trình sang chiết và đóng gói sản phẩm glyxerin (công suất 100.000 tấn/năm): Glyxerin tinh luyện nhập khẩu → Bể chứa lưu trữ → Lọc, loại tạp chất → Đóng gói → Sản phẩm."

2. Điều chỉnh nội dung yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải.

Điều chỉnh nội dung Mục 1.1, Phần B, Phụ lục 1 của Giấy phép môi trường số 57/GPMT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023, cụ thể như sau:

"1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

a) Lô C21:

- Nước thải sinh hoạt từ các khu vực văn phòng, nhà kho (có 02 bể tự hoại 3 ngăn, dung tích thiết kế 35 m³/bể), khu vực phân xưởng nhà bom (có 01 bể tự hoại 3 ngăn, dung tích thiết kế 35 m³); nước thải từ khu vực nhà ăn (có 01 bể tách dầu mỡ, dung tích thiết kế 11,7 m³); nước thải xả đáy định kỳ từ các hệ thống giải nhiệt gián tiếp tại các dây chuyền sản xuất, nước thải từ hệ thống lọc nước RO, nước thải vệ sinh pallet, vệ sinh bồn bể thuộc phân xưởng nhà bom, nước thải rửa dụng cụ từ phòng thí nghiệm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải số 01 của Nhà máy (công suất thiết kế 100m³/ngày), sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước.

- Nước thải từ các công đoạn sản xuất (từ quá trình trung hòa dầu thô, từ xưởng tinh luyện dầu, hệ thống xử lý khí thải lò hơi, xả đáy lò hơi, nước thải rửa tay của công nhân trước khi vào dây chuyền sang chiết và đóng gói Glyxerin) và nước thải tiếp nhận từ công ty thành viên (Công ty TNHH Thực phẩm quốc tế Nam Dương) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải số 02 của Nhà máy (công suất thiết kế 200 m³/ngày), sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước.

- Điểm đầu nối nước thải có ký hiệu, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải, vị trí tọa độ là: X = 1176113; Y = 610583. (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107°45' múi chiều 3°)

b) Lô C18-C24:

- Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà kho, bảo vệ (có 01 bể tự hoại 3 ngăn dung tích thiết kế 07 m³), khu vực phân xưởng sản xuất xà phòng, các loại chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (có 01 bể tự hoại 3 ngăn dung tích thiết kế 06 m³); nước thải rửa tay, vệ sinh sàn, vệ sinh dụng cụ thí nghiệm từ các tầng của phân xưởng sản xuất, nước thải từ nhà ăn (có 01 bể tách dầu mỡ), nước thải từ hệ thống lọc nước RO, nước thải xả đáy định kỳ tháp giải nhiệt được thu gom bằng đường ống đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước. Điểm đầu

nồi nước thải có ghi chú, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải, có vị trí tọa độ: $X = 1175960$; $Y = 610131$. (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $107^{\circ}45'$ múi chiếu 3°)

- Nước thải sản xuất từ vệ sinh thiết bị sản xuất được lưu chứa trong bồn nhựa 01 m^3 bố trí tại phân xưởng và ký hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.”

3. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải.

Điều chỉnh nội dung quy trình công nghệ tại Mục 1.2.1, Phần B, Phụ lục 2 của Giấy phép môi trường số 57/GPMT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023, cụ thể như sau:

“Quy trình công nghệ: Khí thải \rightarrow Bộ thu hồi nhiệt \rightarrow Lọc bụi túi vải \rightarrow Tháp hấp thụ \rightarrow Lốp tách âm \rightarrow Ống khói thải”.

4. Điều chỉnh về bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Điều chỉnh nội dung tại Mục 1, Mục 2, Phần A, Phụ lục 3 của Giấy phép môi trường số 57/GPMT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023, cụ thể như sau:

“1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Cụm máy nén khí tại phân xưởng đóng gói tại Lô C21.
- Nguồn số 02: Máy thổi chai tại phân xưởng đóng gói tại Lô C21
- Nguồn số 03: Máy thổi phôi tại phân xưởng đóng gói tại Lô C21.
- Nguồn số 04: Máy phát điện dự phòng công suất 1.280 kVA tại Lô C21.
- Nguồn số 05: Máy móc thiết bị của dây chuyền sản xuất xà phòng, các loại chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh tại Lô C18-C24.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ $X = 1176172$; $Y = 610648$.
 - Nguồn số 02: Tọa độ $X = 1176154$; $Y = 610666$.
 - Nguồn số 03: Tọa độ $X = 1176119$; $Y = 610783$.
 - Nguồn số 04: Tọa độ $X = 1176178$; $Y = 610825$.
 - Nguồn số 05: Tọa độ $X = 1176027$; $Y = 610150$.
- (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $107^{\circ}45'$ múi chiếu 3°)”

5. Điều chỉnh về yêu cầu quản lý chất thải.

Điều chỉnh Phần A, Phụ lục 4 của Giấy phép môi trường số 57/GPMT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023, cụ thể như sau:

“A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	1.493
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	18 01 02	5.619
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	19.849
4	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (composit...)	18 01 04	880
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	76
6	Ắc quy chì thải (từ hoạt động bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị)	19 06 01	436
7	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	10.630
8	Các loại dầu thải khác (từ hoạt động bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị)	17 07 03	2.939
9	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	43
10	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại (từ hoạt động bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị)	07 04 01	66
11	Bao bì mềm thải	18 01 01	2.344
12	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (từ hoạt động bảo trì, bảo dưỡng)	07 03 10	152
13	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (từ hoạt động bảo trì, bảo dưỡng)	16 01 13	99
14	Vật liệu lót và chịu lửa thải có các thành phần nguy hại không phải từ quá trình luyện kim (từ hoạt động bảo trì, bảo dưỡng)	19 11 03	106
15	Dung dịch thải từ quá trình vệ sinh bề ở phân xưởng dầu thô	19 07 02	600
	Tổng khối lượng		45.332

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Đất thải từ quá trình tinh luyện dầu thực vật	4.500.000
2	Tro bay từ lò hơi đốt than, trấu	1.400.000
3	Xi than từ lò hơi đốt than, trấu	132.000
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi	14.000
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	1.200.000
6	Bùn thải từ hệ thống tháp giải nhiệt, hệ thống cống thoát nước mưa	1.200.000
7	Bao bì hỏng	600.000
8	Chất thải rắn công nghiệp thông thường khác	330.000
	Tổng khối lượng	9.376.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 54 tấn/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát.

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
01	Nước thải vệ sinh thiết bị sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	19 10 01	2.550.000
	Tổng khối lượng		2.550.000

Chủ cơ sở sẽ thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) Tại Lô C21:

- Diện tích kho số 01: 14 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường và mái bao bằng tôn; nền bê tông; có rãnh thu gom chất thải lỏng về hố gom.

- Diện tích kho số 02: 11 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường và mái bao bằng tôn; nền bê tông; có rãnh thu gom chất thải lỏng về hố gom.

b) Tại Lô C18-C24:

- Diện tích kho: 30 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường xi măng kết hợp vách thép, mái tôn; nền bê tông; có rãnh thu gom chất thải lỏng về hố gom.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Lô C21:

- 01 silo chứa tro bay, thể tích khoảng 141 m³.

- 02 phễu chứa bùn, thể tích khoảng 3 m³/phễu.

- 02 kho lưu chứa chất thải công nghiệp, diện tích khoảng 16 m²/kho.

- 03 kho lưu chứa đất tẩy thải tinh chế, diện tích kho 1 khoảng 39 m², kho 2 khoảng 36 m², kho 3 khoảng 18 m².

- 01 kho lưu chứa bùn thải, diện tích khoảng 68 m².

- 01 kho lưu chứa xỉ than, diện tích khoảng 150 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường gạch, nền bê tông, mái khung thép lợp tôn.

b) Tại Lô C18-C24:

- 01 kho chứa chất thải công nghiệp, diện tích khoảng 48 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường xi măng kết hợp lưới thép, nền bê tông, mái khung thép lợp tôn.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí các thùng rác chuyên dụng có nắp đậy, tập kết tại khu vực kho rác công nghiệp thông thường để chờ chuyên giao xử lý. *W*